

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ - NGÀNH KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ**

Giáo viên hướng dẫn	: ThS. Phạm Minh Phương
Sinh viên thực hiện	: Nguyễn Thị Lệ Nhi
Mã số sinh viên	: 2054010048
Khóa học	: 2020 – 2024
Lớp	: 20KH1

Đà Nẵng, 09 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

Danh mục từ viết tắt

Danh mục sơ đồ

Danh mục hình ảnh

Danh mục bảng biểu

Lời cảm ơn

Lời mở đầu

CHƯƠNG I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH..... 8

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh8

1.1.1. *Khái niệm về doanh thu*..... 8

1.1.2. *Khái niệm về chi phí* 8

1.1.3. *Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh* 8

1.1.4. *Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*8

1.1.5. *Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh* 8

1.2. Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....9

1.2.1. *Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ* 9

1.2.2. *Kế toán doanh thu hoạt động tài chính* 16

1.2.3. *Kế toán thu nhập khác*..... 16

1.2.4. *Kế toán giá vốn hàng bán*..... 20

1.2.5. *Kế toán chi phí quản lý kinh doanh* 24

1.2.6. *Kế toán chi phí tài chính* 28

1.2.7. *Kế toán chi phí khác* 30

1.2.8. *Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* 31

1.2.9. *Kế toán xác định kết quả kinh doanh* 33

CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ 36

2.1. Giới thiệu tổng quan về Công ty TNHH Lộc Tài Thọ	36
2.1.1. <i>Thông tin khái quát về công ty</i>	36
2.1.2. <i>Nhiệm vụ của Công ty.....</i>	36
2.1.3. <i>Bộ máy quản lý của Công ty.....</i>	37
2.1.4. <i>Bộ máy kế toán của Công ty.....</i>	37
2.1.5. <i>Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty</i>	38
2.1.6. <i>Chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty</i>	41
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Lộc Tài Thọ	41
2.2.1. <i>Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Tài Lộc Thọ</i>	41
2.2.2. <i>Kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	49
2.2.3. <i>Kế toán thu nhập khác.....</i>	52
2.2.4. <i>Kế toán giá vốn hàng bán.....</i>	55
2.2.5. <i>Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....</i>	61
2.2.6. <i>Kế toán chi phí tài chính</i>	70
2.2.7. <i>Kế toán chi phí khác</i>	70
2.2.8. <i>Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....</i>	70
2.2.9. <i>Kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	76
CHƯƠNG III. MỘT SỐ NHẬN XÉT, Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ.....	81
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lộc Tài Thọ.	81
3.1.1. <i>Ưu điểm.....</i>	81
3.1.2. <i>Hạn chế</i>	81
3.2. Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lộc Tài Thọ.	81

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên cho em xin trân trọng gửi lời cảm ơn chân thành và sự kính trọng tới – các quý thầy, cô giáo Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

Đặc biệt, xin gửi đến giáo viên hướng dẫn của em là Thạc sỹ Phạm Minh Phương – người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề báo cáo thực tập này lời cảm ơn sâu sắc nhất.

Đồng thời xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Ban lãnh đạo và toàn thể các anh chị thuộc công ty TNHH Lộc Tài Thọ đã tạo điều kiện cho em tiếp xúc với các công việc thực tế tại công ty để em có thể hoàn thành bài báo cáo.

Do giới hạn về thời gian nghiên cứu cũng như lượng kiến thức, thông tin thu thập vẫn còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót trong cách hiểu, lỗi trình bày trong bài làm. Vì vậy, em rất mong nhận được sự góp ý và đánh giá chân thành của quý thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC VIẾT TẮT

TT – BTC	Thông tư bộ tài chính	BH & CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
GTGT	Giá trị gia tăng	PXK	Phiếu xuất kho
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp	PKT	Phiếu kế toán
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn	HD	Hóa đơn
ĐTPN	Đối tượng pháp nhân	MCCQT	Mã của cơ quan thuế

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1	Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Sơ đồ 1.2	Hạch toán trường hợp bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng
Sơ đồ 1.3	Hạch toán trường hợp trả chậm, trả góp
Sơ đồ 1.4	Hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng ở đơn vị đại lý
Sơ đồ 1.5	Hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng ở đơn vị nhận làm đại lý
Sơ đồ 1.6	Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu
Sơ đồ 1.7	Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính
Sơ đồ 1.8	Sơ đồ hạch toán thu nhập khác
Sơ đồ 1.9	Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán TK 632 theo phương pháp kê khai thường xuyên
Sơ đồ 1.10	Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán TK 632 theo phương pháp kiểm kê định kỳ
Sơ đồ 1.11	Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh
Sơ đồ 1.12	Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính
Sơ đồ 1.13	Sơ đồ hạch toán chi phí khác
Sơ đồ 1.14	Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Sơ đồ 1.15	Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh
Sơ đồ 2.1	Bộ máy quản lý của Công ty
Sơ đồ 2.2	Bộ máy kế toán của Công ty
Sơ đồ 2.3	Sơ đồ hình thức kế toán trên phần mềm
Sơ đồ 2.4	Sơ đồ nhật ký chung

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1	Giao diện phần mềm Smart Pro
Hình 2.2	Hóa đơn GTGT số 26 ngày 08/07/2023
Hình 2.3	Hóa đơn GTGT số 162 ngày 02/08/2023
Hình 2.4	Màn hình nhập liệu
Hình 2.5	Màn hình nhập liệu ví dụ hóa đơn GTGT số 162, tương tự với hóa đơn GTGT số 26
Hình 2.6	Phiếu thu của hóa đơn số 26
Hình 2.7	Phiếu thu của hóa đơn số 162
Hình 2.8	Trích sao kê tài khoản
Hình 2.9	Giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm Smart Pro
Hình 2.10	Trích P XK theo hóa đơn số 003/07
Hình 2.11	Trích P XK theo hóa đơn số 014/08
Hình 2.12	Phiếu kế toán số 002/08
Hình 2.13	Trích hóa đơn GTGT ngày 26/08/2023
Hình 2.14	Trích hóa đơn GTGT ngày 28/11/2023
Hình 2.15	Trích sao kê tài khoản
Hình 2.16	Tờ khai quyết toán thuế TNDN
Hình 2.17	Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1	Trích sổ chi tiết tài khoản 5111
Bảng 2.2	Trích sổ nhật ký chung tài khoản 511
Bảng 2.3	Trích sổ cái tài khoản 511
Bảng 2.4	Trích sổ nhật ký chung tài khoản 515
Bảng 2.5	Trích sổ cái tài khoản 515
Bảng 2.6	Trích sổ chi tiết tài khoản 632
Bảng 2.7	Trích sổ nhật ký chung tài khoản 632
Bảng 2.8	Trích sổ cái tài khoản 632
Bảng 2.9	Trích sổ nhật ký chung tài khoản 711
Bảng 2.10	Trích sổ cái tài khoản 711
Bảng 2.11	Trích sổ chi tiết tài khoản 64227 (nghiệp vụ 1)
Bảng 2.12	Trích sổ chi tiết tài khoản 6425 (nghiệp vụ 2)
Bảng 2.13	Trích sổ nhật ký chung tài khoản 642
Bảng 2.14	Trích sổ cái tài khoản 642
Bảng 2.15	Trích phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Bảng 2.16	Trích sổ nhật ký chung
Bảng 2.17	Trích sổ cái tài khoản 911

CHƯƠNG I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Khái niệm về doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu không bao gồm phần vốn góp thêm của các cổ đông

1.1.2. Khái niệm về chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

1.1.3. Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.4. Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các doanh nghiệp thực hiện :

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
- Có căn cứ để thực hiện nghĩa vụ

1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có nhiệm vụ tính toán tập hợp chi phí có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến quá trình kinh doanh, cũng như việc xác định chính xác doanh thu thực tế phát sinh, làm cơ sở để xác định được kết quả của hoạt động kinh doanh. Xác định chính xác kết quả kinh doanh góp phần cung cấp thông tin, giúp doanh nghiệp nghiên cứu, xây dựng mức giá phù hợp cho từng sản phẩm

1.2. Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Khái niệm

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm tất cả các khoản phụ thu thêm ngoài giá

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

a, Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau :

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền lợi sản phẩm, hàng hóa cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Doanh nghiệp cần xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b, Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán cung cấp dịch vụ khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

1.2.1.3. Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán

a. Các phương thức bán hàng

- *Phương thức bán hàng trực tiếp :*
 - Theo hình thức này, bên mua cử đại diện đến kho hoặc các phân xưởng của doanh nghiệp để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất kho hàng hóa giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hóa được xác nhận là tiêu thụ
- *Phương thức bán hàng theo hợp đồng :*
 - Theo hình thức này, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết hoặc theo đơn đặt hàng , doanh nghiệp xuất kho hàng hóa, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng. Hàng hóa chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại. Chỉ khi nào bên mua kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao mới được coi là tiêu thụ, người bán mất quyền sở hữu về số hàng đã giao. Chi phí vận chuyển do doanh nghiệp thương mại chịu hay bên mua chịu là do sự thỏa thuận từ trước giữa hai bên. Nếu doanh nghiệp thương mại chịu chi phí vận chuyển, sẽ phải thu tiền của bên mua
- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp :*
 - Là khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, doanh nghiệp sẽ ghi nhận doanh thu bán hàng được tính theo giá bán trả tiền ngay , khách hàng chỉ thanh toán một phần tiền mua hàng để nhận hàng và phần còn lại trả dần trong một thời gian và chịu khoản lãi theo quy định trong hợp đồng
- *Phương thức bán hàng qua đại lý :*
 - Gửi đại lý bán hoặc ký gửi hàng hóa là hình thức bán hàng mà trong đó doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý , ký gửi để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý, ký gửi sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các cơ sở đại lý, ký gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi doanh nghiệp được cơ sở đại

lý, ký gửi thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã bán được, doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu về số hàng này

b. Phương thức thanh toán

- *Thanh toán bằng tiền mặt* : Khi doanh nghiệp bán hàng, giao quyền sở hữu hàng hóa cho khách hàng và khách hàng thanh toán bằng tiền mặt cho doanh nghiệp tương đương với giá trị của hàng hóa đã bán. Phương thức này giảm thiểu được những rủi ro trong thanh toán
 - *Thanh toán không dùng tiền mặt bao gồm* :
 - *Thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng* : Khi bên mua chấp nhận thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng và được ghi trong hóa đơn GTGT với hình thức là chuyển khoản nhưng tại thời điểm đó người mua chưa thanh toán thì kế toán sẽ hạch toán vào sổ vẫn là tài khoản phải thu khách hàng. Khi nhận được giấy báo có và số phụ của ngân hàng thì kế toán sẽ hạch toán vào tài khoản tiền gửi ngân hàng
 - *Thanh toán bằng bù trừ công nợ* : là hình thức thanh toán bù trừ nghĩa vụ với nhau giữa các bên để xác định xem bên nào là bên cuối cùng có nghĩa vụ. Theo đó, các bên trong giao dịch mua bán, cung cấp dịch vụ sẽ đồng thời là người bán và người mua (vừa có công nợ phải thu, vừa có công nợ phải trả).
- + Trong trường hợp này, kế toán sẽ thực hiện các công việc sau:
- Xác định các chứng từ công nợ phải thu và chứng từ công nợ phải trả;
 - Thực hiện bù trừ giữa công nợ phải thu và công nợ phải trả;
 - Cập nhật việc bù trừ công nợ vào sổ theo dõi công nợ.

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán và các khoản giảm doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ

NỢ	TK 511	CÓ
+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số hàng hoá đã bán. + Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số hàng hoá tiêu thụ. + Doanh thu hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. + Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	✕	+ Doanh thu bán hàng hoá, bất động sản đầu tư của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán. + Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 511 : có 6 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

1.2.1.5. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT

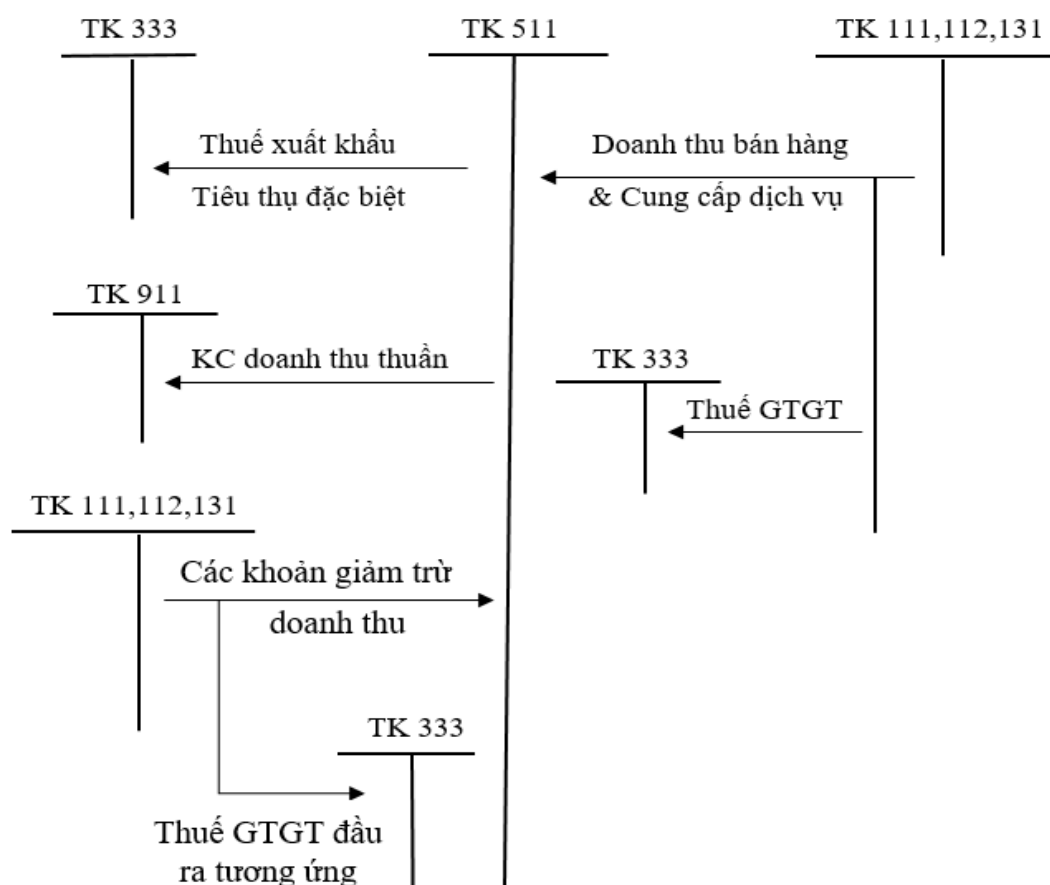
Phiếu thu

Giấy báo có của ngân hàng

Hợp đồng kinh tế

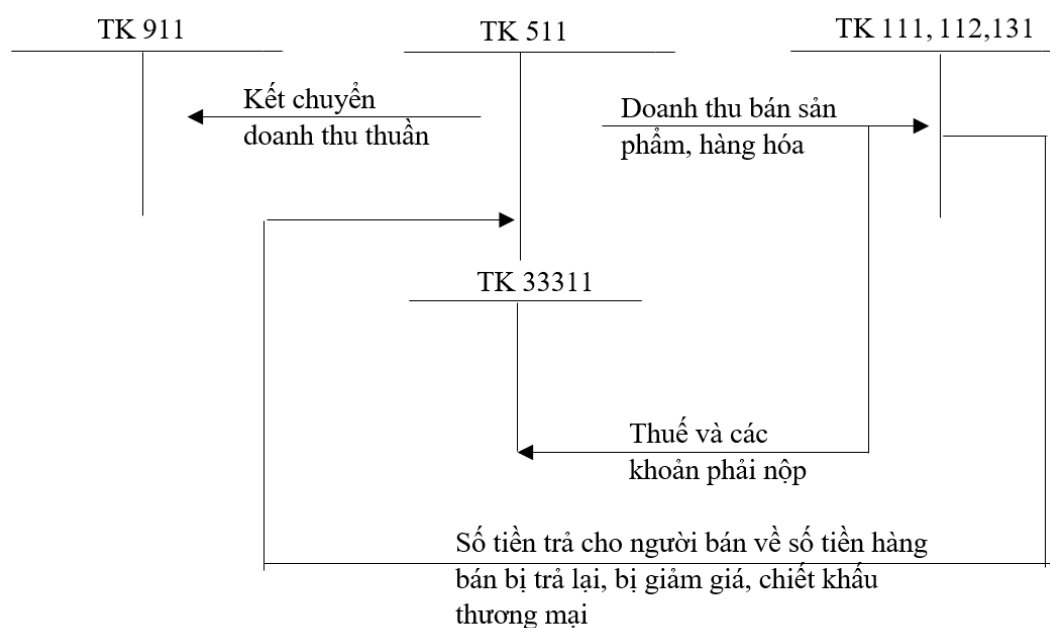
Biên bản giao nhận hàng

1.2.1.6. Phương pháp hạch toán



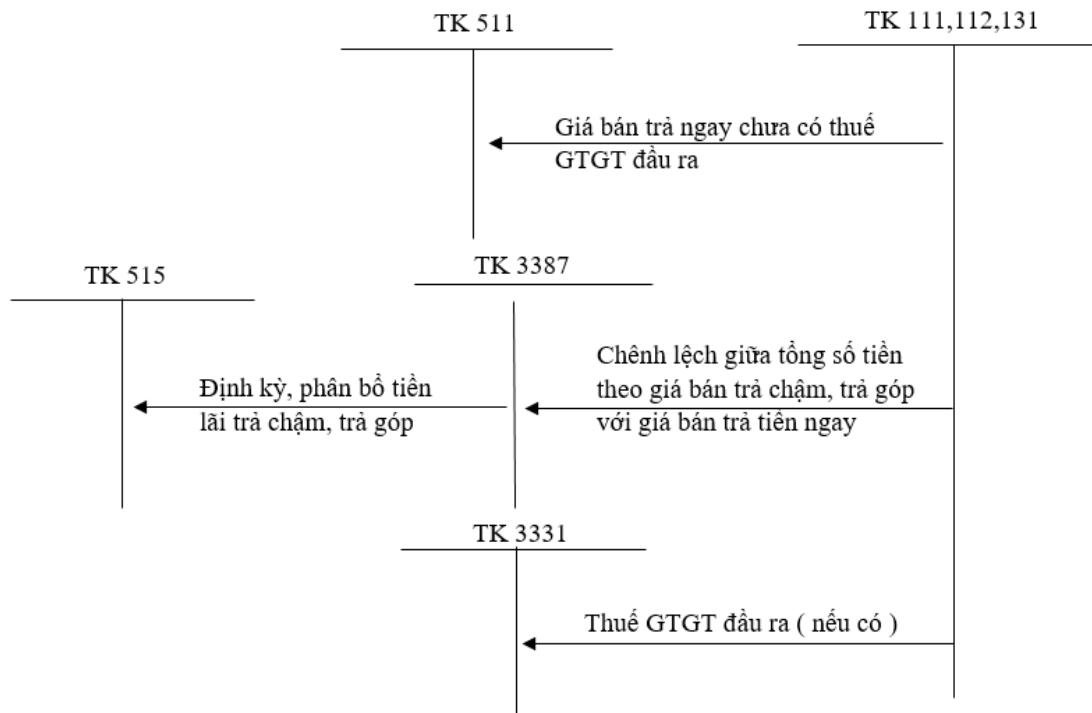
Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Hạch toán trường hợp bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng



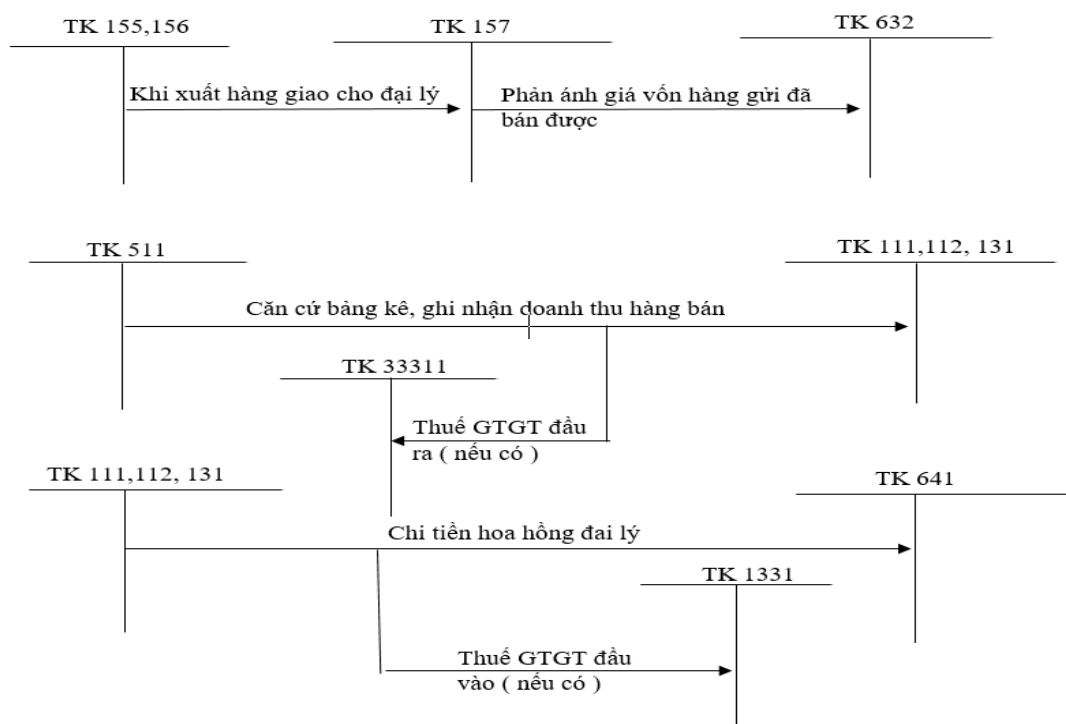
Sơ đồ 1.2. Hạch toán trường hợp bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng

- Hạch toán trường hợp trả chậm, trả góp



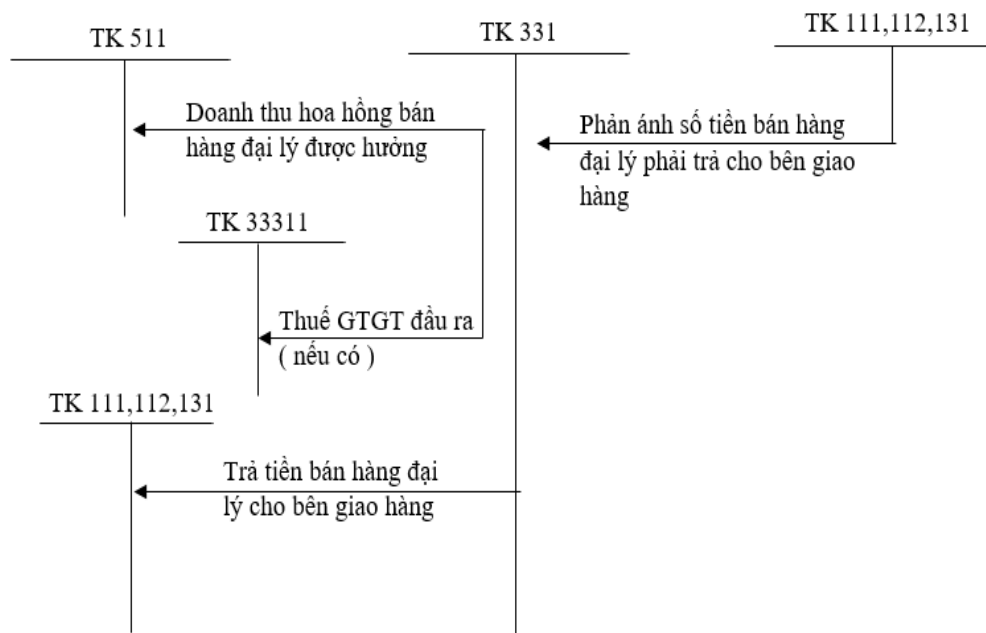
Sơ đồ 1.3. Hạch toán trường hợp trả chậm, trả góp

- Hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng
- + Ở đơn vị giao hàng đại lý



Sơ đồ 1.4. Hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng ở đơn vị đại lý

+ Ở đơn vị nhận làm đại lý, bán đúng giá hưởng hoa hồng



Sơ đồ 1.5. Hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng ở đơn vị nhận làm đại lý

1.2.1.7. Các khoản giảm trừ doanh thu

- Là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

+ Chiết khấu thương mại: Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên các hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

+ Giảm giá hàng bán: Giảm giá hàng bán là số tiền giảm trừ cho khách hàng trên giá bán đã thỏa thuận do nguyên nhân thuộc về người bán như kém phẩm chất, không đúng quy cách, lỗi thời, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...

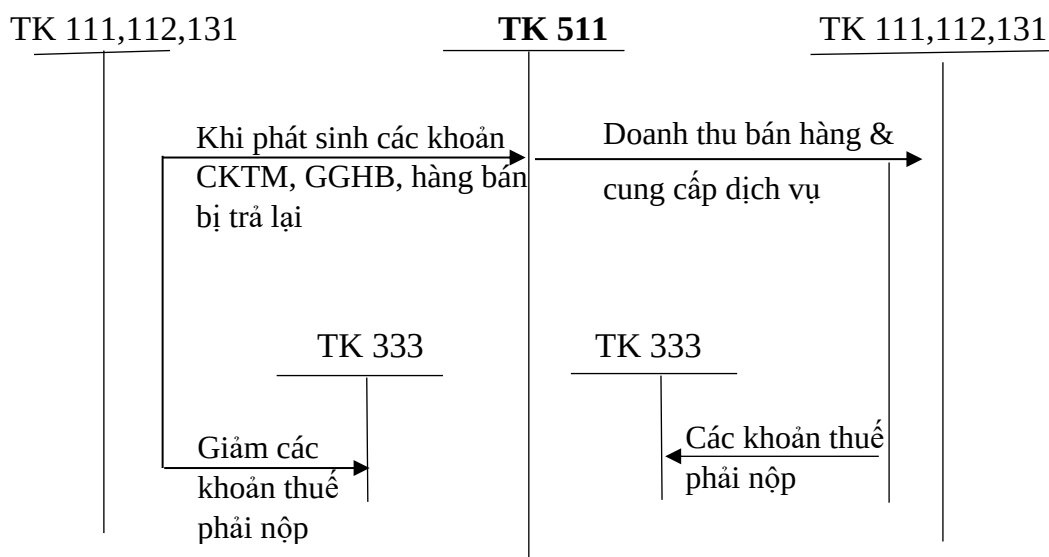
+ Hàng bán bị trả lại: Hàng bán bị trả lại là giá trị của số thành phẩm, hàng hóa đã xác định tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết

trong hợp đồng kinh tế như: Hàng kém phẩm chất, hàng không đúng kỹ thuật, sai chủng loại... Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần hàng), và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh....

- Tài khoản sử dụng: Theo quy định của thông tư 133/2016/TT-BTC, để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán hạch toán vào bên Nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

- Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.2.1. Khái niệm

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm :

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng , lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ,...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn ; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Nợ	TK 515	Có
+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911. + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)		+ Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia. + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. + Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

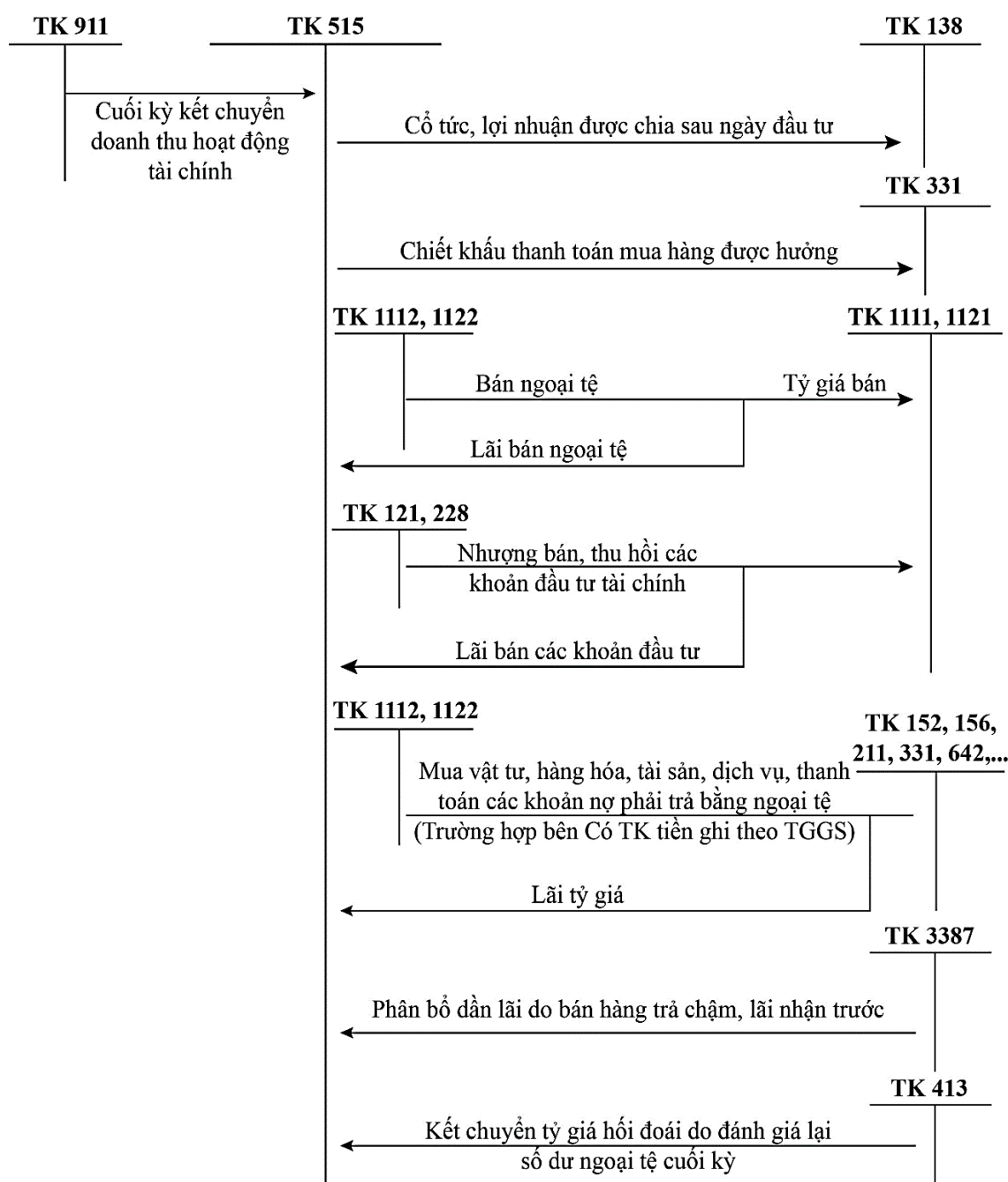
1.2.2.3. Chứng từ sử dụng

Phiếu thu

Báo nợ ngân hàng

Biên lai thu tiền

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3. Kế toán thu nhập khác

1.2.3.1. Khái niệm

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;

- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (Nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT

Hóa đơn bán hàng

Phiếu thu

Giấy báo có

Biên bản thanh lý

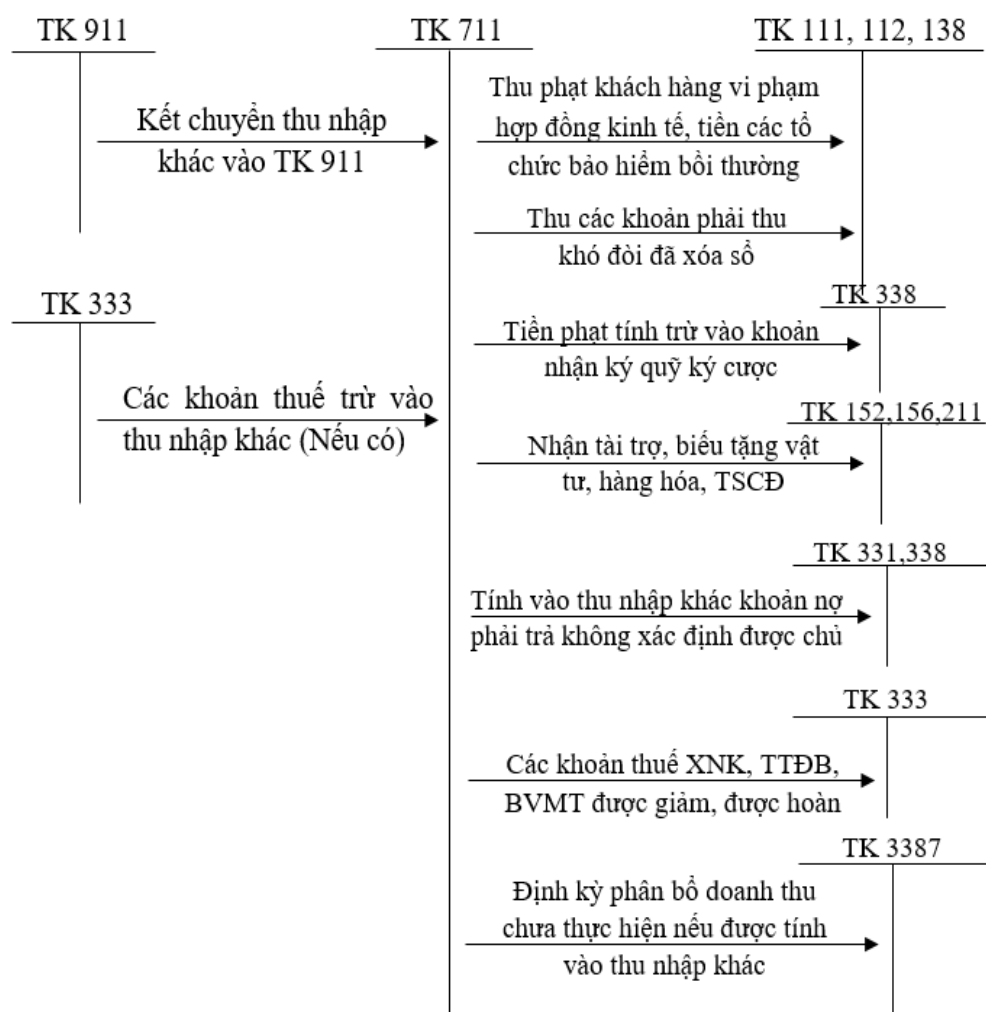
Nhượng bán TSCD

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác : tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

NỢ	TK 711	CÓ
+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. + Cuối kỳ kế toán. Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”		+ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.2.4 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.4.1. Khái niệm

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm đã bán được (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành, đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

TK 632 – Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, BĐS đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ; - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
---	---

1.2.4.3. Chứng từ sử dụng

Phiếu xuất kho

Phiếu giao hàng

Biên bản kiểm kê hàng hóa

1.2.4.4. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

- Phương pháp giá thực tế đích danh

+ Phương pháp này được sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp quản lý hàng hóa theo từng lô hàng nhập. Hàng xuất kho thuộc lô hàng nào thì lấy đơn giá của lô hàng đó để tính. Phương pháp này thường sử dụng với những loại hàng có giá trị cao, thường xuyên cải tiến mẫu mã chất lượng

- Phương pháp bình quân gia quyền

+ Giá xuất kho theo phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi được nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp, cụ thể :

+ Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ (bình quân cả kỳ dự trữ): Phương pháp này đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào trị giá thực tế hàng

tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ, số lượng hàng tồn trong kỳ, nhập trong kỳ, để tính giá đơn vị bình quân. Công thức :

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ + Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ	
	Số lượng hàng i tồn đầu kỳ + Số lượng hàng i nhập trong kỳ	

Trị giá hàng xuất trong kỳ	=	Số lượng xuất kho trong kỳ	X	Đơn giá bình quân
-------------------------------	---	----------------------------	---	-------------------

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập: Sau mỗi lần nhập hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Công thức :

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n	=	Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n + Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n	
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n + Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n	

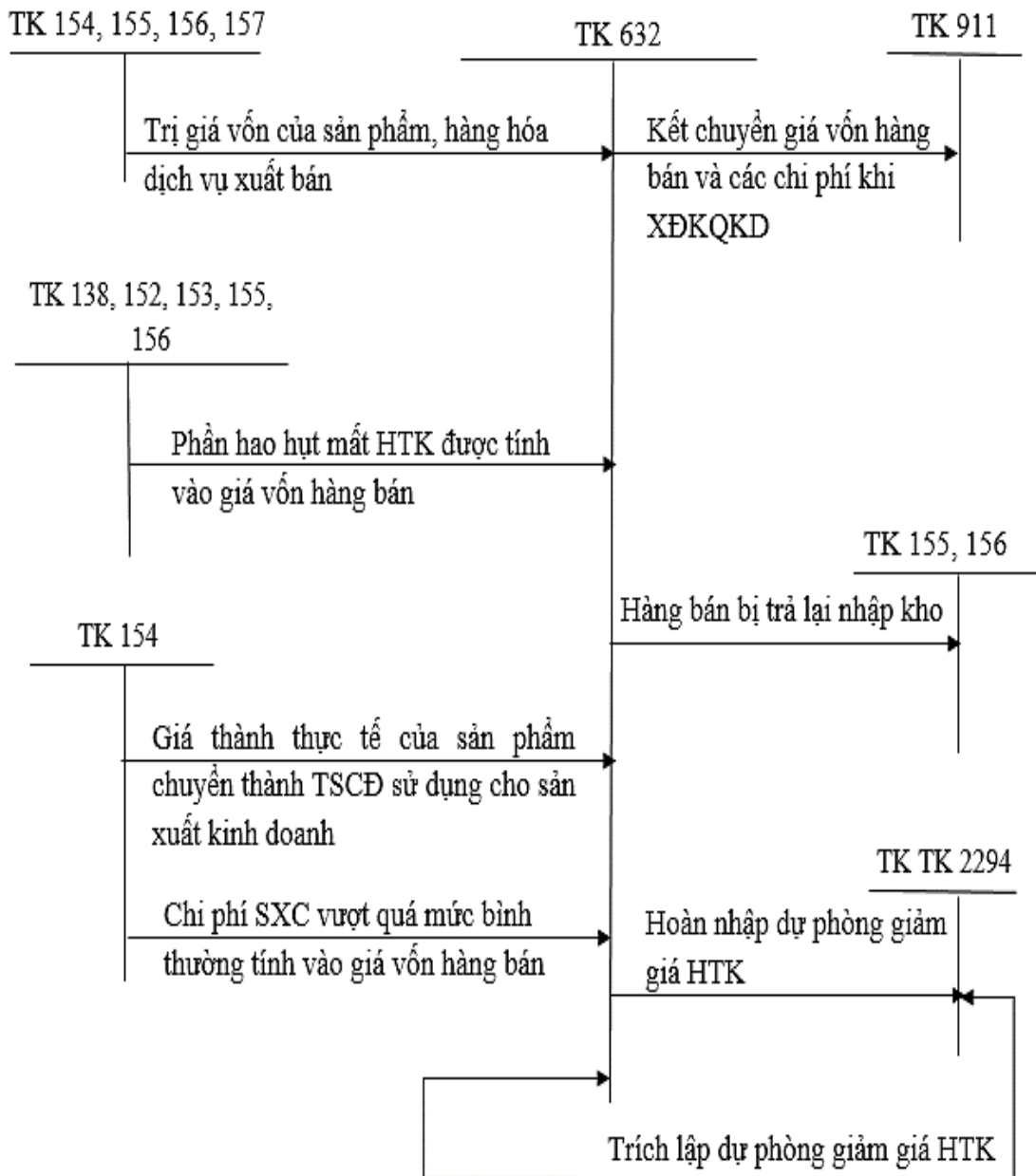
+ Xác định giá thực tế hàng i khi xuất kho :

Gia thực tế hàng tồn i sau lần nhập thứ n	=	Số lượng hàng xuất kho i sau xuất dùng	X	Đơn giá thực tế hàng i sau lần nhập thứ n
--	---	---	---	---

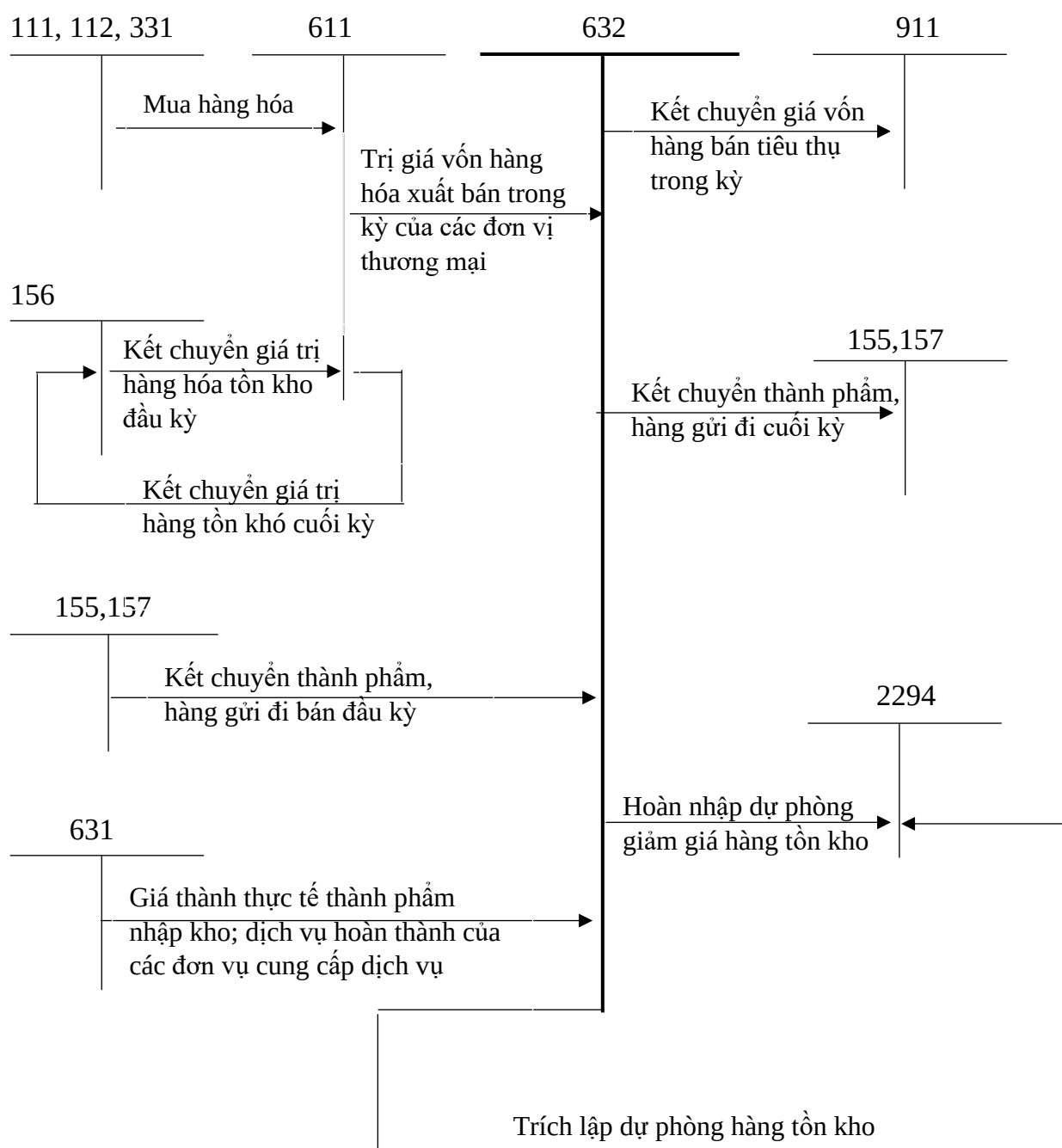
- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*

+ Được áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho

1.2.4.5. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán TK 632 theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán TK 632 theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5.1. Khái niệm

Các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp :

a, Đối với chi phí bán hàng

- Chi phí vật liệu : phản ánh các chi phí vật liệu dùng cho việc bảo quản, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ dùng cho bộ phận bán hàng
- Chi phí nhân viên : phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên liên quan đến bộ phận bán hàng bao gồm : tiền lương, tiền ăn ca, các khoản trích bảo hiểm
- Chi phí khấu hao TSCD : phản ánh chi phí khấu hao TSCD ở nhà kho, cửa hàng, bốc dỡ, vận chuyển
- Chi phí bảo hành : phản ánh chi phí bảo hành liên quan đến sản phẩm, hàng hóa
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng : phản ánh chi phí công cụ, dụng cụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa
- Chi phí dịch vụ mua ngoài : phản ánh các dịch vụ mua ngoài liên quan đến bộ phận bán hàng như trả tiền hoa hồng đại lý, tiền thuê bốc vác, vận chuyển hàng hóa đi bán ...
- Chi phí bằng tiền khác : phản ánh chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu bán hàng như chi phí giới thiệu sản phẩm, chi tiếp khách bộ phận bán hàng

b, Đối với chi phí quản lý kinh doanh

- Chi phí nhân viên quản lý : phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp như tiền lương, tiền phụ cấp, các khoản bảo hiểm của ban giám đốc, nhân viên quản lý các phòng của doanh nghiệp
- Chi phí đồ dùng văn phòng : phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý
- Chi phí dự phòng : Phản ánh các khoản phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào kinh doanh của doanh nghiệp
- Chi phí khấu hao TSCD : phản ánh chi phí khấu hao TSCD dùng trong doanh nghiệp như nhà cửa, máy móc thiết bị trong văn phòng
- Chi phí đồ dùng văn phòng : phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý : phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm...
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các dịch vụ mua ngoài dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bằng tiền khác : phản ánh các chi phí thuộc quản lý chung của doanh nghiệp như chi phí hội nghị, công tác phí..

1.2.5.2. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT

Phiếu chi

Bảng tính lương

BHXXH

BHYYT

1.2.5.3. Tài khoản sử dụng

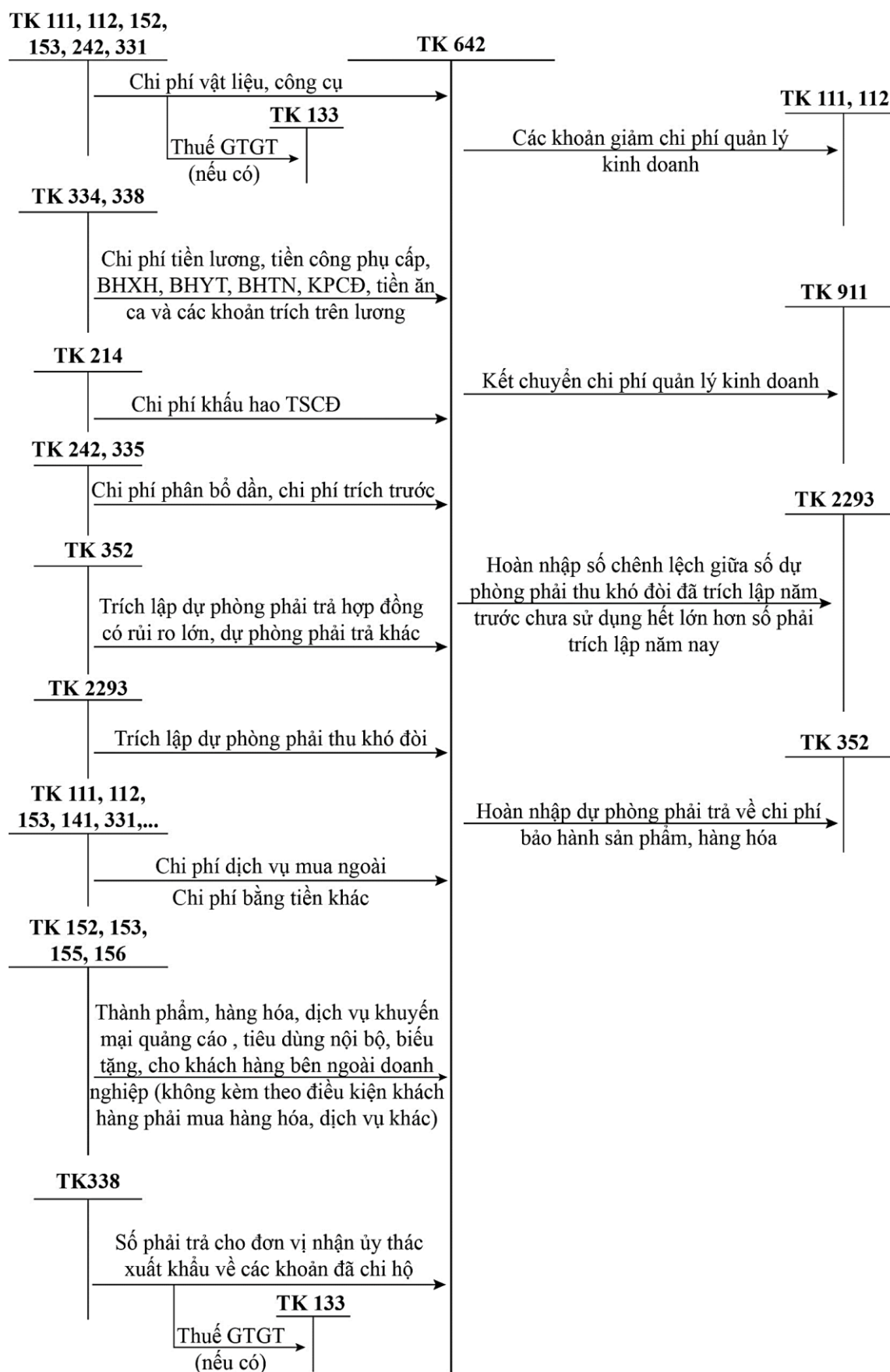
Tài khoản 642 - “Chi phí quản lý kinh doanh” gồm có 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng

+ Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ	TK 642	Có
+ Các chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ. + Dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.		+ Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh. + Hoàn nhập các khoản dự phòng phải trả, phải thu khó đòi. + Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911.

1.2.5.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.6. *Kế toán chi phí tài chính*

1.2.6.1. Khái niệm

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán

1.2.6.2. Chứng từ sử dụng

Giấy báo nợ

Phiếu thu

Bảng tính lãi

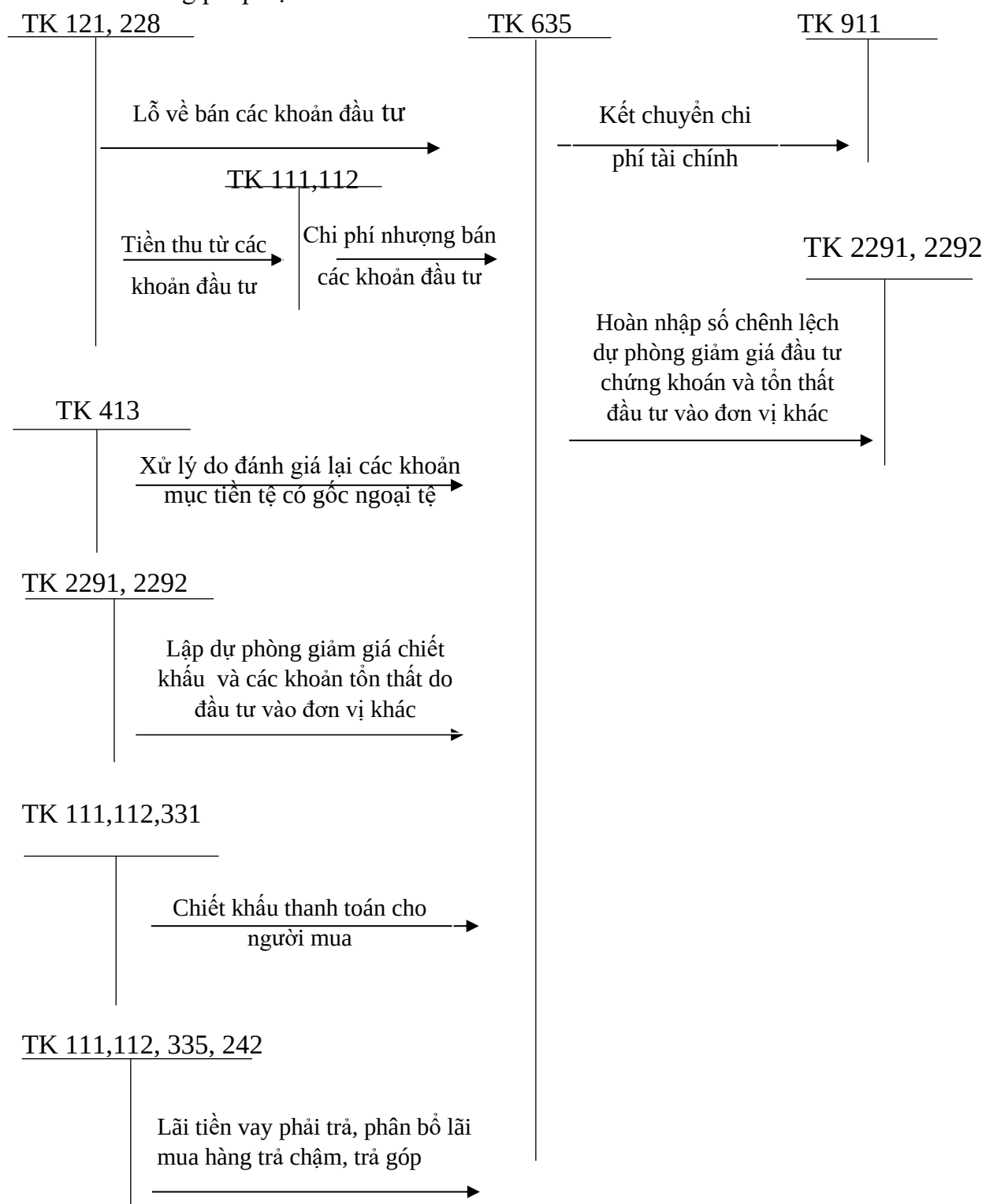
1.2.6.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 – “ chi phí tài chính ” dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

NỢ	TK 635	CÓ
+ Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ. + Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.		+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết). + Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ phi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động



1.2.6.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.7. Kế toán chi phí khác

1.2.7.1. Khái niệm

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hoặc các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp như thanh lý, nhượng bán, tài sản và giá trị còn lại của tài sản thanh lý chênh lệch, lỗ do đánh giá lại vật tư hàng hóa khi mang đi góp vốn hoặc đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết, tiền bị phạt thuế, truy thu thuế, các chi phí khác phát sinh

1.2.7.2. Chứng từ sử dụng

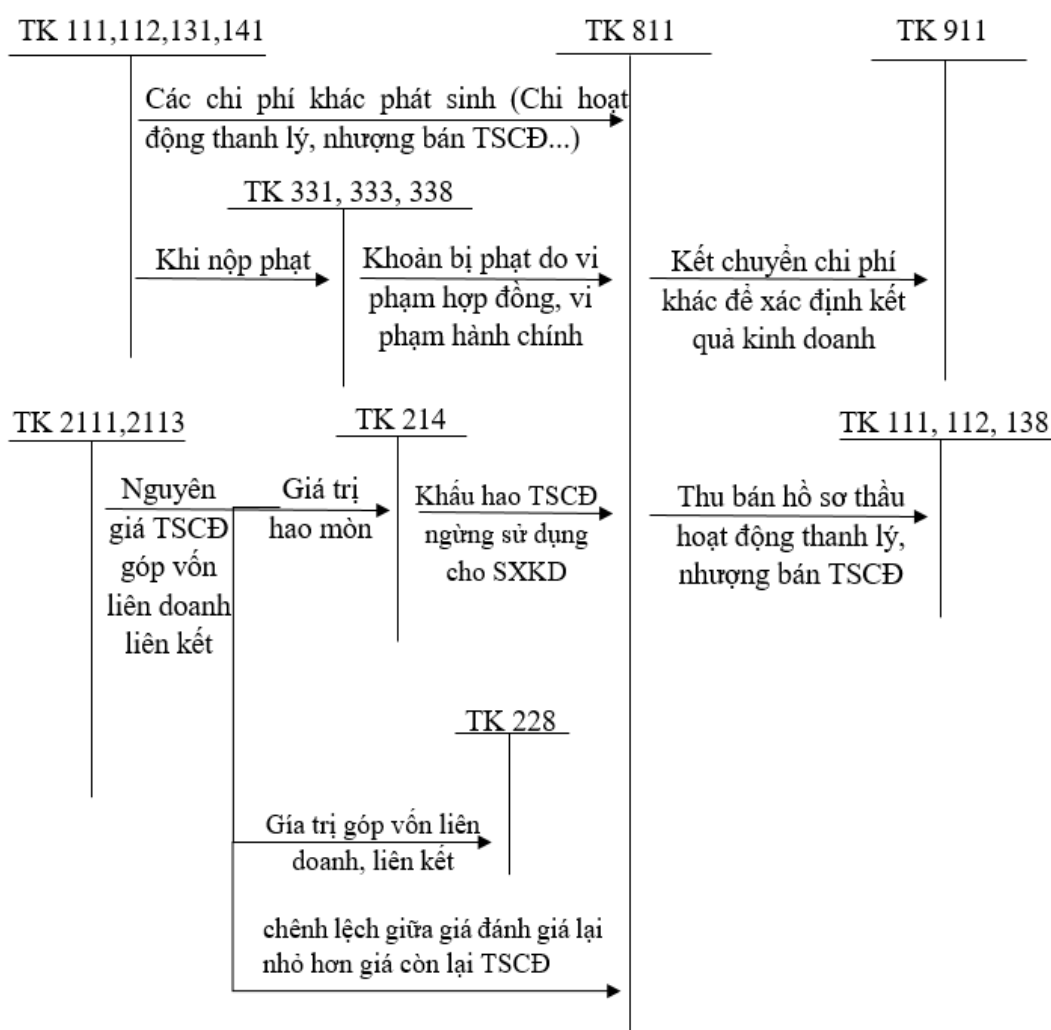
Phiếu chi

1.2.7.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 – Chi phí khác : dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp

NỢ	TK 811	CÓ
+ Các khoản chi phí khác phát sinh.		+ Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

1.2.7.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.8.1. Khái niệm

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN	=	[Thu nhập tính thuế - Phần trích lập quỹ KH & CN (nếu có)]	*	Thuế suất thuế TNDN
-----------	---	---	---	---------------------

Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	Các khoản giảm trừ
-------------------------------	----------	---------------------------	----------	---------------------------

1.2.8.2. Chứng từ sử dụng

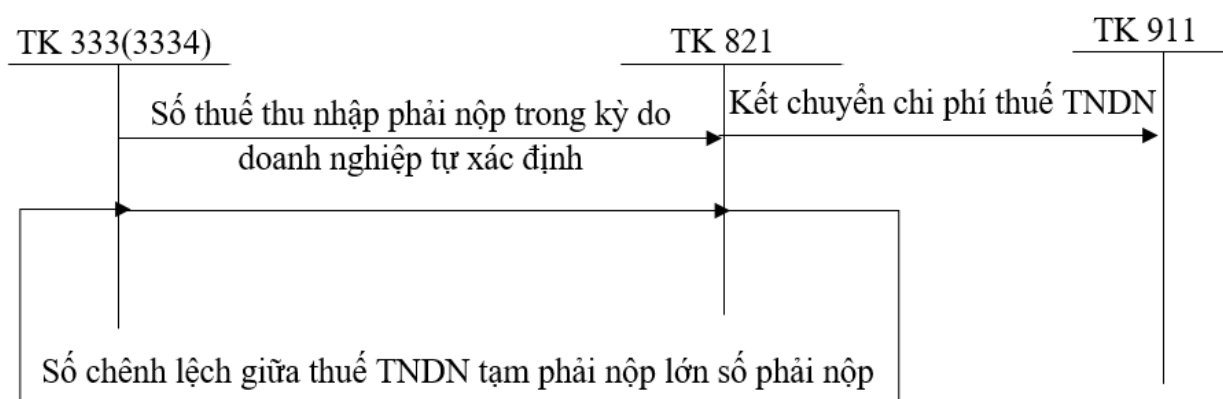
Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.8.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

NỢ	TK 821	CÓ
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm. + Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại.		+ Số thuế TNDN thực tế phải nộp nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm. + Số thuế TNDN phải nộp được giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu. + Kết chuyển số chênh lệch giữa thuế TNDN phát sinh lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN vào TK 911

1.2.8.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.14. Sơ đồ hạch toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

1.2.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.9.1. Khái niệm

Kết quả tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ trong doanh nghiệp chính là kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động sản xuất kinh doanh phụ. Kết quả đó được tính bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu thuần với một bên là giá vốn hàng tiêu thụ và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và được thể hiện qua chi tiêu lợi nhuận lãi – lỗ về tiêu thụ

Doanh thu bán hàng thuần	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
--------------------------	---	--	---	------------------------------

Lợi nhuận gộp	=	Doanh thu bán hàng thuần - Giá vốn hàng bán
---------------	---	---

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Lợi nhuận gộp + (Doanh thu HĐTC – Chi phí HĐTC) - Chi phí bán hàng – Chi phí QLDN
--	--

Lợi nhuận hoạt động khác	=	Thu nhập của hoạt động khác	-	Chi phí hoạt động khác
--------------------------	---	-----------------------------	---	------------------------

Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	+	Lợi nhuận hoạt động tài chính	+	Lợi nhuận hoạt động khác
--	---	--	---	-------------------------------------	---	--------------------------------

Lợi nhuận sau thuế	=	Tổng doanh thu – Tổng chi phí - Thuế thu nhập doanh nghiệp
--------------------	---	--

1.2.9.2. Tài khoản sử dụng

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác ...

NỢ	TK 911	CÓ
+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. + Kết chuyển lãi.		+ Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. + Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. + Kết chuyển lỗ.



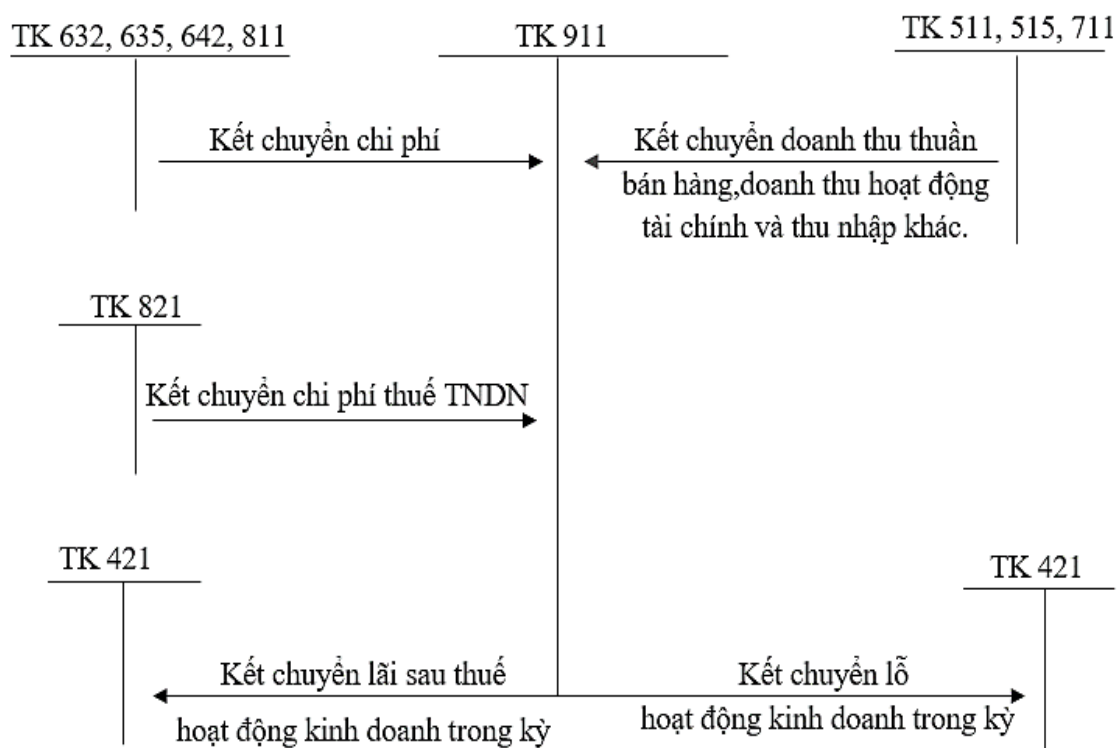
TK 911 – “ Xác định kết quả kinh doanh ” không có số dư cuối kỳ

1.2.9.2. Chứng từ sử dụng

Các chứng từ khác liên quan

Phiếu kế toán

1.2.9.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.15. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ

2.1. Giới thiệu tổng quan về Công ty TNHH Lộc Tài Thọ

2.1.1. Thông tin khái quát về công ty

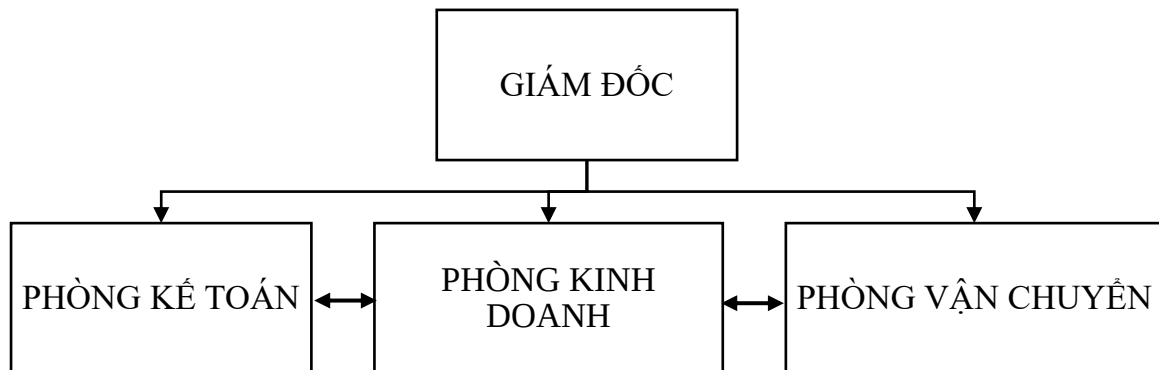
- Công ty TNHH Lộc Tài Thọ được thành lập theo giấy phép kinh doanh với MST là 4001268328 cấp ngày 31/05/2023 do tỉnh Quảng Nam cấp
- Tên công ty : Công ty TNHH Lộc Tài Thọ
- Địa chỉ : Thôn Bình Túy, Xã Bình Giang, Huyện Thăng Bình, Quảng Nam
- Mã số thuế : 4001268328
- Người đại diện pháp luật : Ngô Thị Lan Hương
- Ngày bắt đầu hoạt động : 31/05/2023
- Quản lý bởi : Chi cục Thuế Huyện Thăng Bình
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH 1 Thành Viên
- Vốn điều lệ : 1.000.000.000
- Ngành nghề kinh doanh chính
Bán buôn đồ uống

2.1.2. Nhiệm vụ của Công ty

- Là một công ty tư nhân, Công ty TNHH Lộc Tài Thọ được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 31/05/2023
- Hoạt động kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường
- Thực hiện đầy đủ các cam kết với khách hàng về sản phẩm; dịch vụ thỏa đáng các mối quan hệ lợi ích với các chủ thể kinh doanh theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.
- Tổ chức mạng lưới bán buôn và bán lẻ trong khu vực.
- Chấp hành pháp luật, thực hiện chế độ hạch toán thống kê thống nhất và thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.
- Nâng cao giá trị cho doanh nghiệp.
- Bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh, trật tự xã hội và nâng cao đời sống cho người lao động.

2.1.3. Bộ máy quản lý của Công ty

a, Sơ đồ bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1. Bộ máy quản lý của Công ty

Ghi chú:

—————> : Quan hệ chỉ đạo

↔ : Quan hệ hỗ trợ lẫn nhau

b, Nhiệm vụ của từng bộ phận

- **Giám đốc** : Là người đứng đầu công ty, quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty thông qua các phòng ban. Đồng thời cũng là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của công ty.

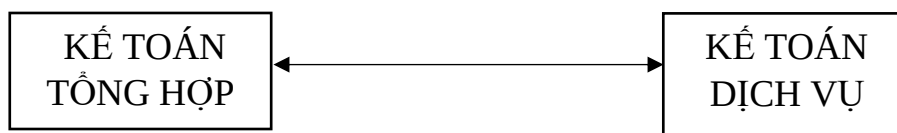
- **Phòng kế toán** : Xây dựng kế hoạch tài chính, cân đối thu chi, cung cấp những thông tin cần thiết cho giám đốc, tập hợp các chứng từ và sắp xếp lưu trữ chứng từ

- **Phòng kinh doanh** : Xây dựng chiến lược kinh doanh, xây dựng chính sách và lập mục tiêu kế hoạch bán hàng mở rộng thị trường cũng như thu hút khách hàng mới, thực hiện tổ chức triển khai bán các sản phẩm & dịch vụ thuộc chức năng.

- **Phòng vận chuyển** : Hỗ trợ kinh doanh giao nhận hàng hóa, vận chuyển hàng hóa đến các đại lý

2.1.4. Bộ máy kế toán của Công ty

a, Sơ đồ bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán của Công ty

Ghi chú :

←→ : Quan hệ hỗ trợ lẫn nhau

b. Nhiệm vụ của từng bộ phận

- **Kế toán tổng hợp** : Có trách nhiệm tập hợp các chứng từ và sắp xếp lưu trữ chứng từ, xuất hóa đơn bán hàng khi khách mua hàng hóa, theo dõi kho, công nợ của công ty bằng file excel, thu nhập chứng từ hóa đơn, giao dịch ngân hàng, hợp đồng, báo giá với khách hàng

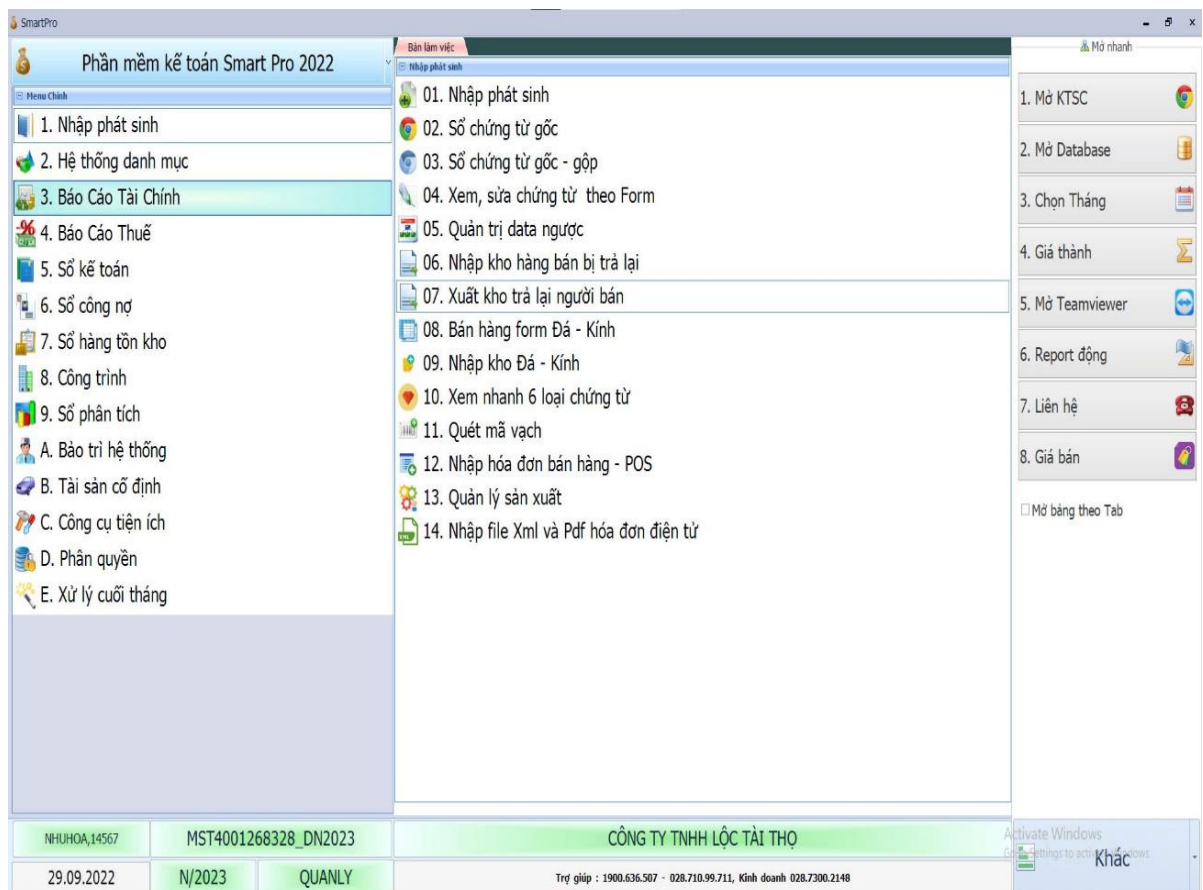
- **Kế toán dịch vụ** : Có trách nhiệm làm về mảng thuế và các báo cáo của Công ty

+ Vào đầu năm : Kế toán dịch vụ có trách nhiệm kê khai và nộp lệ phí môn bài, kê khai và nộp các tờ khai thuế TNCN, thuế GTGT và các nghĩa vụ thuế khác

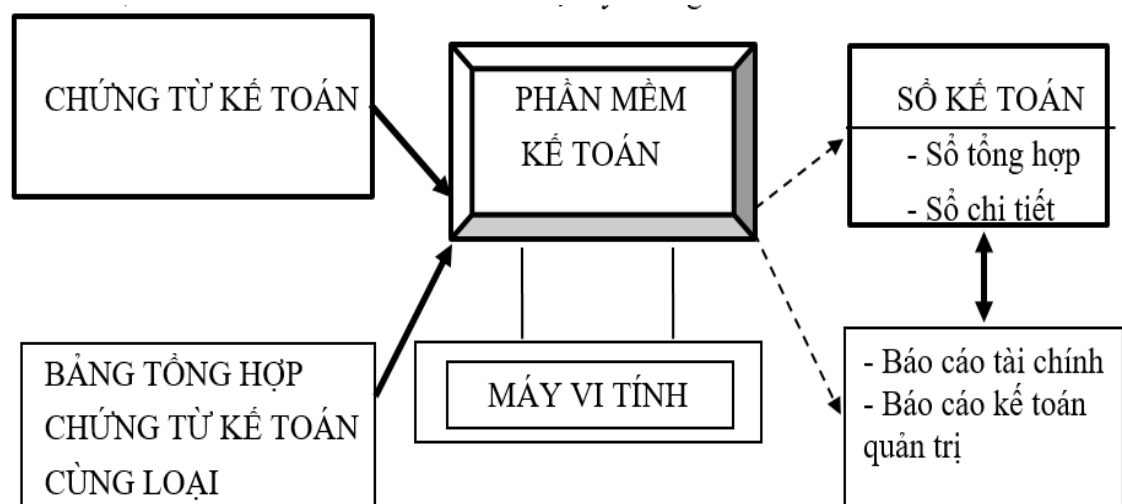
+ Vào cuối năm : Lập báo cáo quyết toán thuế TNCN năm, lập báo cáo quyết toán thuế TNDN năm, lập Báo cáo tài chính năm gồm: Bảng Cân đối Kế toán; Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh BCTC ; Bảng Cân đối số phát sinh Tài khoản

2.1.5. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty

Căn cứ vào quy mô đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của các nhân viên kế toán công ty đã lựa chọn hình thức sổ kế toán “ nhật ký chung”, với sự hỗ trợ của máy tính và phần mềm kế toán SMART PRO



Hình 2.1 Giao diện phần mềm Smart Pro



Ghi chú:

—————> : Nhập số liệu hàng ngày

-----> : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

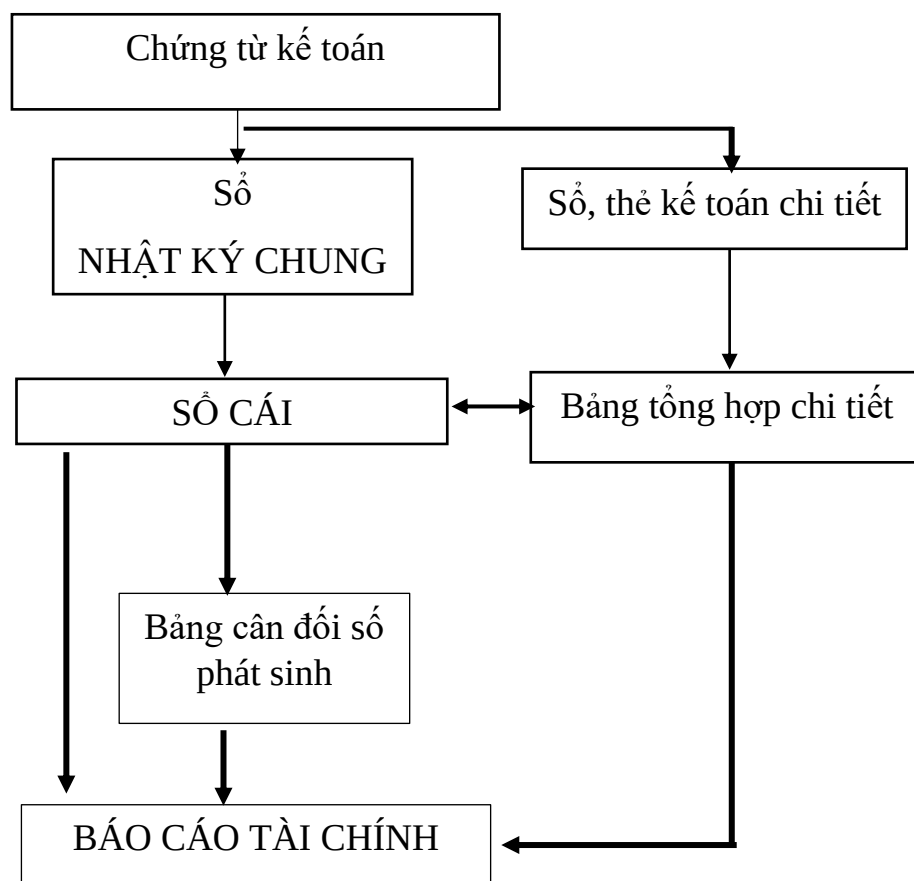
↔ : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ hình thức kế toán trên phần mềm

- Với việc áp dụng phần mềm kế toán này, công việc của kế toán đã được giảm đáng kể, giúp cung cấp thông tin cho giám đốc, khách hàng,... một cách nhanh chóng, kịp thời. Kế toán chỉ cần khai thác chính xác số liệu ban đầu và khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chỉ cần nhập chính xác vào phần mềm đúng tên tài khoản, số liệu như chứng từ gốc, chương trình sẽ tự động chuyển vào nhật ký chung, các sổ chi tiết, các sổ cái, các bảng phân bổ, các báo cáo.

- Chứng từ sử dụng: hệ thống chứng từ mà công ty sử dụng được thực hiện theo đúng nội dung, phương pháp lập và ký chứng từ theo luật kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (được ban hành kèm theo thông tư 133/2016/TT-BTC)

- Sổ sách sử dụng : Sổ kế toán của công ty được in theo mẫu sổ áp dụng trong hình thức kế toán Nhật ký chung gồm sổ Nhật Ký Chung, sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết (nếu có)



Ghi chú :

- : Ghi hằng ngày
- : Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4. Sơ đồ nhật ký chung

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, Lập bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính . Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối tài khoản phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ

2.1.6. Chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty

- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hằng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác: Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông tư 133/2016TT-BTC ngày 26/08/2016 của BCT.
- Kỳ BCTC theo năm dương lịch
- Quản lý bởi : Chi cục Thuế Huyện Thăng Bình
- Phương pháp tính thuế GTGT : Theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định : Phương pháp khấu hao theo đường thẳng
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho : Bình quân gia quyền thời điểm

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Lộc Tài Thọ

2.2.1. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Lộc Tài Thọ

a, Đặc điểm hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Tài Lộc Thọ bao gồm :
doanh thu bán hàng hóa (coca, bia, mì, nước khoáng)

➤ Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán

Phương thức bán hàng :

- Hình thức bán lẻ : Khách hàng tới trực tiếp cửa hàng của công ty để mua hàng. Công ty xuất kho hàng hóa giao trực tiếp cho khách hàng kèm hóa đơn bán hàng
- Hình thức bán buôn : Đối với khách hàng mua số lượng lớn, công ty sẽ áp dụng hình thức bán hàng theo hợp đồng hoặc dựa vào đơn đặt hàng để giao nhận hàng

Phương thức thanh toán : Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

b, Chứng từ và sổ sách sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT

Phiếu kế toán

Phiếu thu tiền mặt

Giấy báo có

➤ Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 511 , sổ chi tiết tài khoản 511

c, Tài khoản sử dụng

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

d, Quy trình luân chuyển chứng từ

Khách hàng mua trực tiếp tại cửa hàng : Khi có yêu cầu mua hàng của khách hàng , nhân viên bán hàng kiêm kế toán sẽ kiểm tra số lượng tồn kho trước khi bán hàng. Nếu số lượng trong kho còn đủ sản phẩm thì nhân viên bán hàng kiêm kế toán xuất bán cho khách hàng. Sau đó lập hóa đơn bán hàng cho khách hàng và thu tiền. Cuối ngày, kế toán tổng hợp hóa đơn bán hàng chuyển qua cho kế toán dịch vụ xuất hóa đơn GTGT. Cuối tháng, kế toán tổng hợp đưa hồ sơ qua cho kế toán dịch vụ để hạch toán vào phần mềm, sau khi nhập liệu vào phần mềm dữ liệu sẽ tự động vào sổ nhật ký chung, sổ cái. Đồng thời, gửi bảng tồn kho qua cho kế toán tổng hợp để đối chiếu với sổ tổng hợp nhập xuất tồn.

Nghiệp vụ 1 : Ngày 08/07/2023 Công ty bán hàng cho Quán Khánh Thu với số tiền là 12.140.194 đồng (đã bao gồm thuế 10%), khách hàng thanh toán bằng tiền mặt. Căn cứ vào số liệu thực bán để xuất hóa đơn số 26.

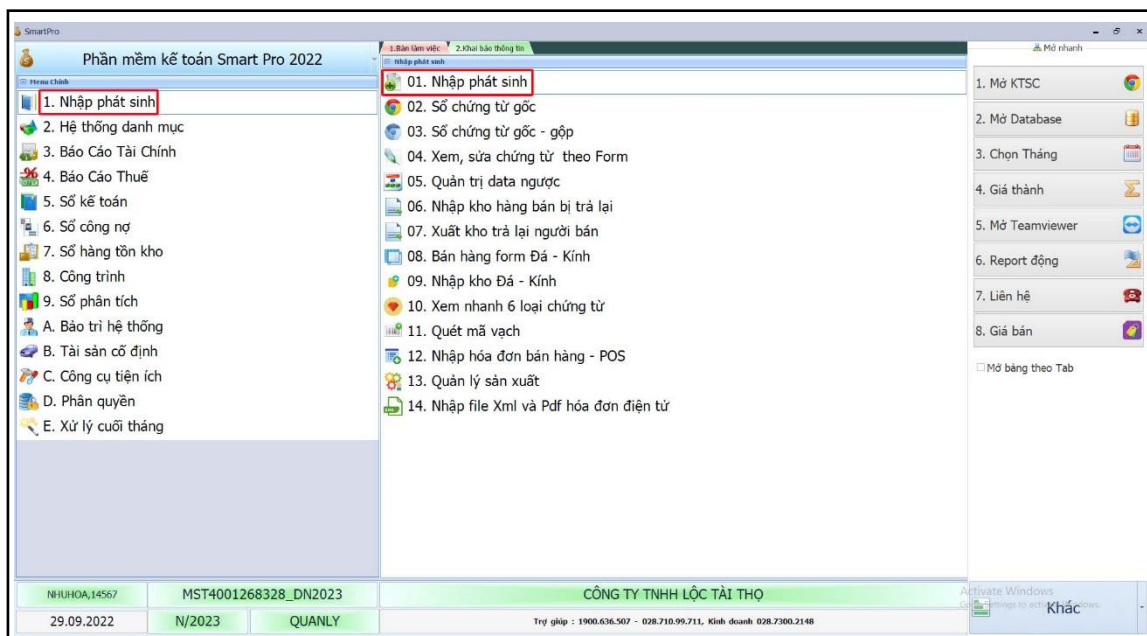
Hình 2.2. Hóa đơn GTGT số 26 ngày 08/07/2023

[illegible]

44

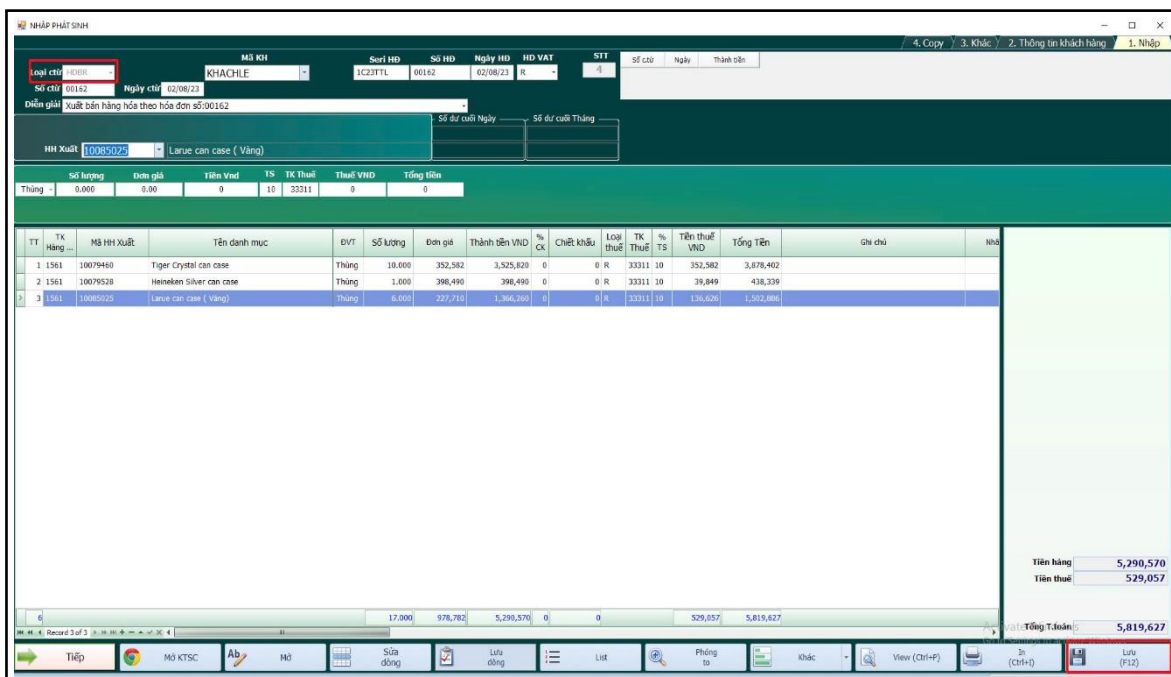
Căn cứ vào 2 hóa đơn GTGT trên, kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm Smart Pro như sau :

Màn hình chính của phần mềm , ta nhấn Nhập phát sinh => Nhập phát sinh



Hình 2.4. Màn hình nhập liệu

Sau đó màn hình sẽ hiện ra giao diện phía dưới, nhập lại chứng từ và các thông tin của hóa đơn



Hình 2.5. Màn hình nhập liệu ví dụ Hóa đơn GTGT số 162, tương tự với Hóa đơn GTGT số 26

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ			Mẫu số S19-DNN		
Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam.			Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC		
Mã số thuế : 4001268328			Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN					
Mã hiệu : 5111-Doanh thu bán hàng hóa					
Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23					
Ngày ghi sổ	Chứng từ Số	Ngày	Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND Nợ Có
<i>Số dư đầu kỳ</i>					
08/07/23	HDBR.001/07	08/07/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số:20	1111	0 796.980
08/07/23	HDBR.002/07	08/07/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 25	1111	0 243.318
08/07/23	HDBR.003/07	08/07/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:26	1111	0 3.984.900
08/07/23	HDBR.003/07	08/07/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:26	1111	0 7.051.640

02/08/23	HDBR.014/08	02/08/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:162	1111	0 398.490
02/08/23	HDBR.014/08	02/08/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:162	1111	0 1.366.260
02/08/23	HDBR.014/08	02/08/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:162	1111	0 3.525.820

05/09/23	HDBR.001/09	05/09/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 278	1111	0 1.410.328
05/09/23	HDBR.001/09	05/09/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 278	1111	0 455.420
09/09/23	HDBR.002/09	09/09/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 279	1111	0 12.165.900
09/09/23	HDBR.002/09	09/09/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 279	1111	0 0
09/09/23	HDBR.002/09	09/09/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 279	1111	0 2.277.100
09/09/23	HDBR.003/09	09/09/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 280	1111	0 352.582
09/09/23	HDBR.003/09	09/09/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 280	1111	0 1.212.000
30/09/23	KC.01	30/09/23	Kết chuyển tài khoản 5111	911	17.873.330 0
			Cộng phát sinh		1.999.765.134 1.999.765.134
			Số dư cuối kỳ		0 0
Ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Người lập			Kế toán trưởng	Giám đốc	
NGÔ THỊ LAN HƯƠNG					

46

Kế toán tiến hành in thêm phiếu thu tương ứng để hoàn thành bộ chứng từ của nghiệp vụ.

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ Địa chỉ :Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam. Mã số thuế : 4001268328		Mẫu số : 01 - TT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)	
PHIẾU THU <i>Ngày 8 tháng 7 năm 2023</i>		Số : 004/07 Nợ : 1111 Có : 5111,33311	
Họ và tên người nộp tiền : Khách lẻ Địa chỉ : Lý do nộp : Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:26			
Số tiền : 12.140.194		(Viết bằng chữ) : Mười hai triệu một trăm bốn mươi ngàn một trăm chín mươi bốn đồng	
Kèm theo :26			
Giám đốc (Ký,họ tên,đóng dấu)		Kế toán trưởng (Ký họ tên)	Người nộp tiền (Ký,họ tên)
Giám đốc (Ký,họ tên,đóng dấu)		Kế toán trưởng (Ký họ tên)	Người lập phiếu (Ký,họ tên)
Giám đốc (Ký,họ tên,đóng dấu)		Kế toán trưởng (Ký họ tên)	Thủ quỹ (Ký,họ tên)
<i>Ngày 8 tháng 7 năm 2023</i>			
Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Mười hai triệu một trăm bốn mươi ngàn một trăm chín mươi bốn đồng			

Hình 2.6. Phiếu thu của hóa đơn số 26

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ Địa chỉ :Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam. Mã số thuế : 4001268328		Mẫu số : 01 - TT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)	
PHIẾU THU <i>Ngày 2 tháng 8 năm 2023</i>		Số : 014/08 Nợ : 1111 Có : 5111,33311	
Họ và tên người nộp tiền : Khách lẻ Địa chỉ : Lý do nộp : Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:162			
Số tiền : 5.819.627		(Viết bằng chữ) : Năm triệu tám trăm mười chín ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng	
Kèm theo :162			
Giám đốc (Ký,họ tên,đóng dấu)		Kế toán trưởng (Ký họ tên)	Người nộp tiền (Ký,họ tên)
Giám đốc (Ký,họ tên,đóng dấu)		Kế toán trưởng (Ký họ tên)	Người lập phiếu (Ký,họ tên)
Giám đốc (Ký,họ tên,đóng dấu)		Kế toán trưởng (Ký họ tên)	Thủ quỹ (Ký,họ tên)
<i>Ngày 2 tháng 8 năm 2023</i>			
Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Năm triệu tám trăm mười chín ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng			

Hình 2.7. Phiếu thu của hóa đơn số 26

Sau khi nhập liệu vào phần mềm dữ liệu sẽ tự động vào nhật ký chung

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam. Mã số thuế : 4001268328				Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23						
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
08/07/2023	HDBR.002/07	08/07/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 25		267.650	267.650
			Tiền Việt Nam	1111	267.650	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		243.318
			Thuế GTGT đầu ra	33311		24.332
08/07/2023	HDBR.003/07	08/07/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:26		12.140.194	12.140.194
			Tiền Việt Nam	1111	12.140.194	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		11.036.540
			Thuế GTGT đầu ra	33311		1.103.654
10/07/2023	HDBR.011/07	10/07/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:34		4.615.699	4.615.699
			Tiền Việt Nam	1111	4.615.699	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		4.196.090
			Thuế GTGT đầu ra	33311		419.609

02/08/2023	HDBR.014/08	02/08/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:162		5.819.627	5.819.627
			Tiền Việt Nam	1111	5.819.627	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		5.290.570
			Thuế GTGT đầu ra	33311		529.057

			Tổng cộng		17.444.561.508	17.444.561.508

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc

NGÔ THỊ LAN HƯƠNG

Bảng 2.2. Trích nhật ký chung tài khoản 511

Từ sổ Nhật ký chung nghiệp vụ này sẽ vào sổ cái 511

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ

Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam.

Mã số thuế : 4001268328

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
Ghi Số	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
08/07/23	HDBR.001/07	08/07/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số:20	1111	0	796.980
08/07/23	HDBR.002/07	08/07/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 25	1111	0	243.318
08/07/23	HDBR.009/07	08/07/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:32	1111	0	7.299.540
08/07/23	HDBR.010/07	08/07/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:33	1111	0	3.984.900
08/07/23	HDBR.003/07	08/07/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:26	1111	0	11.036.540

31/07/23	KC.01	31/07/23	Kết chuyển tài khoản 5111	911	933.800.522	0
02/08/23	HDBR.014/08	02/08/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:162	1111	0	5.290.570
23/08/23	HDBR.123/08	23/08/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:272	1111	0	1.762.910
23/08/23	HDBR.124/08	23/08/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:273	1111	0	145.072
23/08/23	HDBR.120/08	23/08/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:269	1111	0	2.881.244

31/08/23	KC.01	31/08/23	Kết chuyển tài khoản 5111	911	1.048.091.282	0
05/09/23	HDBR.001/09	05/09/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 278	1111	0	1.865.748
09/09/23	HDBR.003/09	09/09/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 280	1111	0	1.564.582
09/09/23	HDBR.002/09	09/09/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 279	1111	0	14.443.000
30/09/23	KC.01	30/09/23	Kết chuyển tài khoản 5111	911	17.873.330	0

			CỘNG PHÁT SINH		1.999.765.134	1.999.765.134
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		1.999.765.134	1.999.765.134
				Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
Người lập			Kế toán trưởng	Giám đốc		
				NGÔ THỊ LAN HƯƠNG		

Bảng 2.3. Trích sổ cái tài khoản 511

2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a, Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính

Tại công ty phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính : lãi nhập vốn

b, Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Sổ phụ ngân hàng
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

c, Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2026/ TT – BTC công ty sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính để theo dõi doanh thu hoạt động tài chính

d, Minh họa nghiệp vụ

Ngày 15/09/2023 Công ty nhận được thông báo của ngân hàng Vietcombank về tiền lãi nhập vốn trong tháng 9 từ ngân hàng Vietcombank với số tiền 2.563 VND

					
SAO KÊ TÀI KHOẢN					
ACCOUNT STATEMENT					
Tên tài khoản : CONG TY TNHH TAI LOC THO Ngày thực hiện: 15/09/2023					
Số tài khoản : 1038289022 Chi nhánh thực hiện: VCB QUANG NAM – PGD THANG BINH					
Loại tài khoản: Tài khoản 1 chủ sở hữu					
Địa chỉ : BINH TUY, BINH GIANG, THANG BINH, QUANG NAM					
MST : 4001268328					
CIF: 27103560					
Loại tiền: VND					
Từ: 06/06/2023 đến 14/09/2023					
STT	Ngày GD/ Số CT	Số tiền ghi nợ	Số tiền ghi có	Số dư	Nội dung chi tiết
.....					
19	25/07/2023 9703.1038289022		2.563	292.563	INTEREST PAYMENT
.....					

Hình 2.8. Trích sao kê tài khoản

Kế toán tiến hành hạch toán phần mềm, sau đó kết xuất lên sổ Nhật Ký Chung

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam. Mã số thuế : 4001268328				Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23						
Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
						
25/07/2023	CTNH.020/07	25/07/23	Lãi nhập vốn		2.563	2.563
			Tiền Việt Nam	1121	2.563	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		2.563
						
25/08/2023	CTNH.003/08	25/08/23	Lãi nhập vốn		1.555	1.555
			Tiền Việt Nam	1121	1.555	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		1.555
						
			Tổng cộng		17.444.561.508	17.444.561.508

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc

NGÔ THỊ LAN HƯƠNG

Bảng 2.4. Trích sổ Nhật Ký Chung tài khoản 515

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ			Mẫu số S03b-DNN		
Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam.			(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC		
Mã số thuế : 4001268328			ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI					
Mã hiệu :515-Doanh thu hoạt động tài chính					
Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23					
Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND
Ghi Số	Số	Ngày		DU	Nợ Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0 0
25/07/23	CTNH.020/07	25/07/23	Lãi nhập vốn	1121	0 2.563
31/07/23	KC.02	31/07/23	Kết chuyển tài khoản 515	911	2.563 0
25/08/23	CTNH.003/08	25/08/23	Lãi nhập vốn	1121	0 1.555
31/08/23	KC.02	31/08/23	Kết chuyển tài khoản 515	911	1.555 0
			CỘNG PHÁT SINH		4.118 4.118
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0 0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		4.118 4.118
					Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc	
				NGÔ THỊ LAN HƯƠNG	

Bảng 2.5. Trích sổ cái tài khoản 515

2.2.3. Kế toán thu nhập khác

a, Đặc điểm về thu nhập khác

Tại Công ty TNHH Lộc Tài Thọ , khoản này chiếm một phần nhỏ. Đặc biệt, khoản thu nhập khác trong năm nay chỉ có một bút toán: xử lý công nợ

b, Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu kế toán
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 711, sổ chi tiết tài khoản 711

c, Tài khoản sử dụng

Thông tư 133/2016/TT – BTC công ty sử dụng tài khoản 711 để theo dõi thu nhập khác

d, Minh họa nghiệp vụ

Ngày 31/08/2023, HEINEKEN thanh toán tiền hàng mà bị chênh lệch 15.510 đồng, nên vào cuối tháng tắt toán số tiền đó vào thu nhập khác.

Kế toán tiến hành in thêm chứng từ tương ứng để hoàn thành bộ chứng từ của nghiệp vụ

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ Địa chỉ :Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam. Mã số thuế : 4001268328						
PHIẾU KẾ TOÁN				Số : 002/08		
Ngày 31 tháng 8 năm 2023						
STT	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Diễn Giải	Thành tiền
1	331	HEINEKEN	711	HEINEKEN	Xử lý công nợ	15.510
Tổng Cộng						15.510
Người lập phiếu				Ngày 31 tháng 8 năm 2023		
NLS				Kế toán trưởng		
				KTT		

Hình 2.9. Phiếu kế toán số 002/08

Phần mềm tự động kết xuất lên sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ				Mẫu số: S03A-DNN		
Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam.				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC		
Mã số thuế : 4001268328				ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23						
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
						
31/08/2023	PKT.002/08	31/08/23	Xử lý công nợ		15.510	15.510
			Phải trả cho người bán	331	15.510	
			Thu nhập khác	711		15.510
31/08/2023	KC.05	31/08/23	Kết chuyển tài khoản 711		15.510	15.510
			Thu nhập khác	711	15.510	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		15.510
						
			Tổng cộng		17.444.561.508	17.444.561.508
Người lập Kế toán trưởng Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Giám đốc NGÔ THỊ LAN HƯƠNG						

Bảng 2.6. Trích sổ nhật ký chung tài khoản 711

Dưới đây là sổ cái tài khoản 711 – Thu nhập khác

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ				Mẫu số S03b-DNN	
Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam.				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC	
Mã số thuế : 4001268328				ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)	
SỔ CÁI					
Mã hiệu :711-Thu nhập khác					
Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23					
Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND
Ghi Số	Số	Ngày		DU	Nợ Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0 0
31/08/23	PKT.002/08	31/08/23	Xử lý công nợ	331	0 15.510
31/08/23	KC.05	31/08/23	Kết chuyển tài khoản 711	911	15.510 0
			CỘNG PHÁT SINH		15.510 15.510
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0 0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		15.510 15.510
					Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Người lập			Kế toán trưởng		Giám đốc
					NGÔ THỊ LAN HƯƠNG

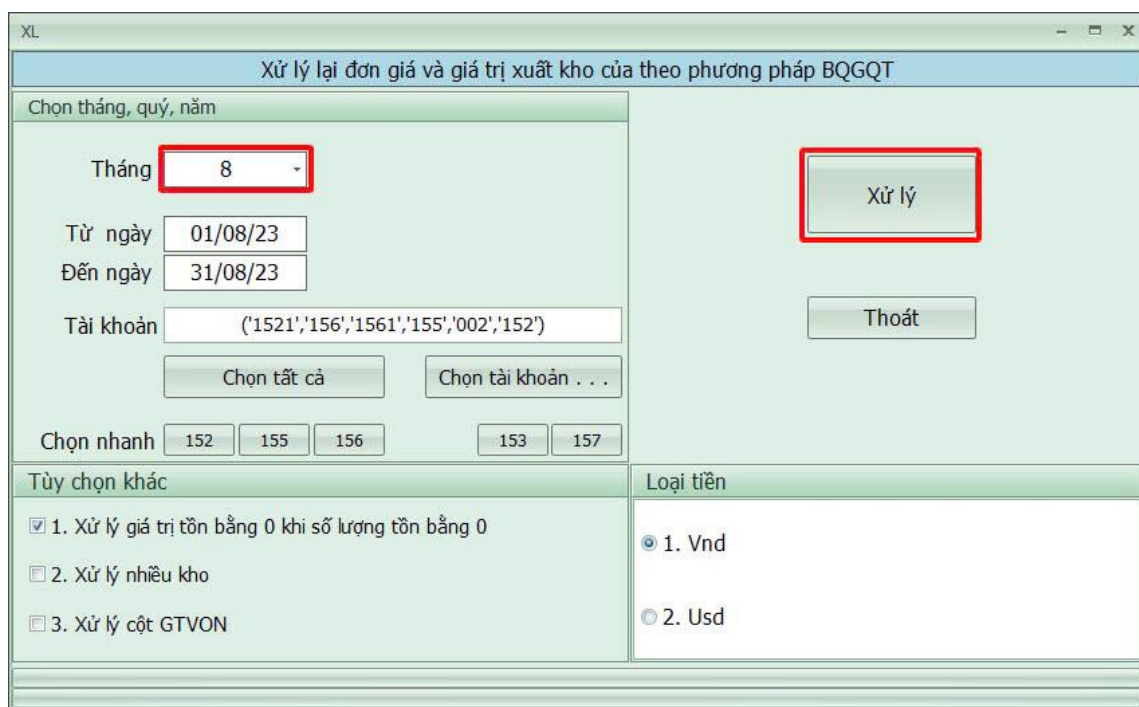
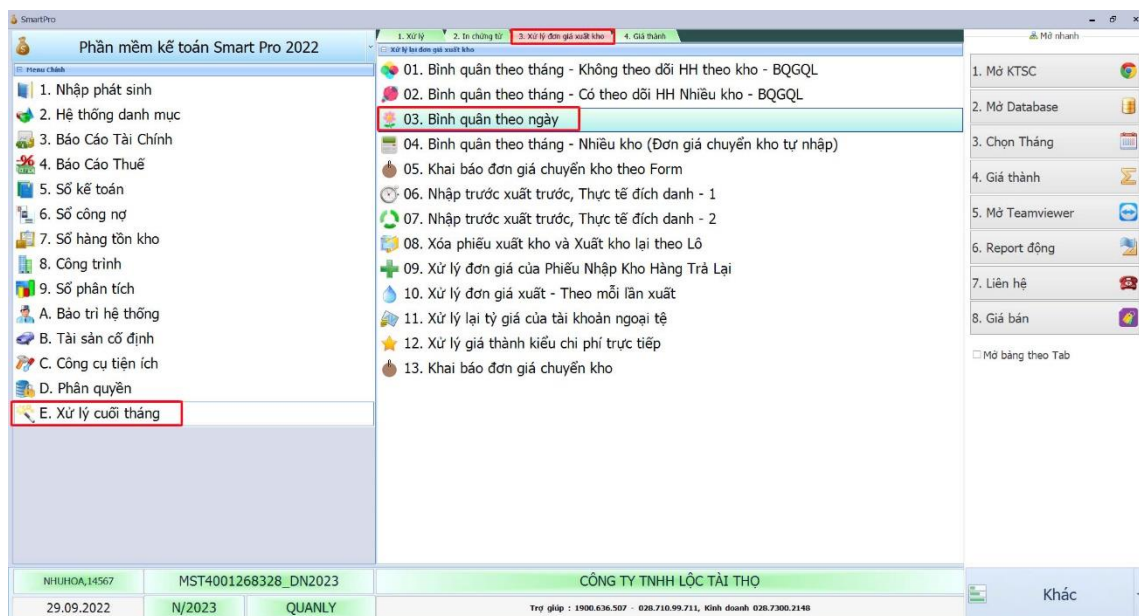
Bảng 2.7. Trích sổ cái tài khoản 711

2.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán

a, Đặc điểm giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán tại công ty bao gồm: Giá vốn xuất bán ...

Đối với giá vốn hàng xuất bán, công ty áp dụng phương pháp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân thời điểm. Khi áp dụng phương pháp này, kế toán sẽ xác định lại giá trị tồn kho của từng loại hàng hóa sau mỗi lần nhập hàng.



Hình 2.10. Giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm

Việc thực hiện như trên hoàn thành thì số liệu sau tính toán sẽ tự động cập nhật lên sổ Nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 632 và lên BCTC.

b, Chứng từ, sổ sách sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng

Phiếu xuất kho

Hóa đơn GTGT

Phiếu nhập kho

➤ Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

c, Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán để phản ánh giá vốn của hàng đã xuất bán trong kỳ

Công ty không có tài khoản chi tiết của tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

d, Quy trình luân chuyển chứng từ

Tại công ty nhân viên bán hàng kiêm kế toán lập hóa đơn bán hàng. Cuối ngày, chuyển những hóa đơn đó qua cho kế toán dịch vụ xuất hóa đơn GTGT. Căn cứ hóa đơn GTGT thì công ty dịch vụ hạch toán vào phần mềm

e, Minh họa nghiệp vụ

Nghiệp vụ 1 : Ngày 08/07/2023 xuất bán cho Quán Khánh Thu : Heineken Silver can case là 10 thùng với đơn giá 394.545 VND, Tiger Crystal can case là 20 thùng với đơn giá là 349.091 VND.

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ		Mẫu số 02 - VT				
Địa chỉ :Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam.		(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC				
Mã số thuế : 4001268328		ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)				
PHIẾU XUẤT KHO		Số : 003/07				
Ngày 8 tháng 7 năm 2023						
		Nợ :	632			
		Có :	1561			
Họ tên người nhận hàng : Quán Khánh Thu						
Theo HĐ số 26 Ngày 08/07/23						
Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ số : 26,08/07/23						
Xuất tại kho công ty						
STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Heineken Silver can case	10079432	Thùng	10,00	394.545	3.945.450
2	Tiger Crystal can case	10079460	Thùng	20,00	349.091	6.981.820
Tổng Cộng						10.927.270
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Mười triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi đồng						
Ngày 8 tháng 7 năm 2023						
Người lập phiếu		Người nhận hàng		Thủ kho		Kế toán trưởng

Hình 2.11. Trích phiếu xuất kho theo hóa đơn số 003/07

Nghiệp vụ 2 : Ngày 02/08/2023 xuất bán cho Nhật Minh Mart : Tiger Crystal can case là 10 thùng với đơn giá 349.091 VND, Larue can case (vàng) là 6 thùng với đơn giá là 225.455 VND, Heineken Silver can case là 1 thùng với đơn giá 394.545.

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ Địa chỉ :Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam. Mã số thuế : 4001268328	Mẫu số 02 - VT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)																																			
PHIẾU XUẤT KHO																																				
Ngày 2 tháng 8 năm 2023																																				
Số : 014/08																																				
Nợ : 632 Có : 1561																																				
Họ tên người nhận hàng : Nhật Minh Mart Theo HĐ số 162 Ngày 02/08/23 Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ số : 162,02/08/23 Xuất tại kho công ty																																				
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên vật tư hàng hóa</th> <th>Mã VTHH</th> <th>ĐVT</th> <th>Số lượng</th> <th>Đơn giá</th> <th>Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Heineken Silver can case</td> <td>10079432</td> <td>Thùng</td> <td>1,00</td> <td>394.545</td> <td>394.545</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Tiger Crystal can case</td> <td>10079460</td> <td>Thùng</td> <td>10,00</td> <td>349.091</td> <td>3.490.910</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Larue can case (Vàng)</td> <td>10085025</td> <td>Thùng</td> <td>6,00</td> <td>225.455</td> <td>1.352.730</td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="text-align: center;">Tổng Cộng</td> <td>5.238.185</td> </tr> </tbody> </table>		STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	Heineken Silver can case	10079432	Thùng	1,00	394.545	394.545	2	Tiger Crystal can case	10079460	Thùng	10,00	349.091	3.490.910	3	Larue can case (Vàng)	10085025	Thùng	6,00	225.455	1.352.730	Tổng Cộng						5.238.185
STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																														
1	Heineken Silver can case	10079432	Thùng	1,00	394.545	394.545																														
2	Tiger Crystal can case	10079460	Thùng	10,00	349.091	3.490.910																														
3	Larue can case (Vàng)	10085025	Thùng	6,00	225.455	1.352.730																														
Tổng Cộng						5.238.185																														
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Năm triệu hai trăm ba mươi tám ngàn một trăm tám mươi lăm đồng Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Ngày 2 tháng 8 năm 2023 Kế toán trưởng																																				

Hình 2.12. Trích phiếu xuất kho theo hóa đơn số 014/08

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ

Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam.

Mã số thuế : 4001268328

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 632-Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
08/07/23	PXK.001/07	08/07/23	Xuất kho theo HĐ số : 0000020,08/07/23	1561	789.090	0
08/07/23	PXK.002/07	08/07/23	Xuất kho theo HĐ số : 0000025,08/07/23	1561	240.909	0
08/07/23	PXK.003/07	08/07/23	Xuất kho theo HĐ số : 26,08/07/23	1561	3.945.450	0
08/07/23	PXK.003/07	08/07/23	Xuất kho theo HĐ số : 26,08/07/23	1561	6.981.820	0

02/08/23	PXK.014/08	02/08/23	Xuất kho theo HĐ số : 162,02/08/23	1561	394.545	0
02/08/23	PXK.014/08	02/08/23	Xuất kho theo HĐ số : 162,02/08/23	1561	1.352.730	0
02/08/23	PXK.014/08	02/08/23	Xuất kho theo HĐ số : 162,02/08/23	1561	3.490.910	0

05/09/23	PXK.001/09	05/09/23	Xuất kho theo HĐ : 278,05/09/2023	1561	1.396.364	0
05/09/23	PXK.001/09	05/09/23	Xuất kho theo HĐ : 278,05/09/2023	1561	450.910	0
09/09/23	PXK.002/09	09/09/23	Xuất kho theo HĐ : 279,09/09/2023	1561	12.050.181	0
09/09/23	PXK.002/09	09/09/23	Xuất kho theo HĐ : 279,09/09/2023	1561	482.007	0
09/09/23	PXK.002/09	09/09/23	Xuất kho theo HĐ : 279,09/09/2023	1561	2.254.550	0
09/09/23	PXK.003/09	09/09/23	Xuất kho theo HĐ : 280,09/09/2023	1561	349.091	0
09/09/23	PXK.003/09	09/09/23	Xuất kho theo HĐ : 280,09/09/2023	1561	1.200.000	0
30/09/23	KC.02	30/09/23	Kết chuyển tài khoản 632	911	0	18.183.103
			Cộng phát sinh		1.996.150.464	1.996.150.464
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

NGÔ THỊ LAN HUƠNG

Bảng 2.6. Trích sổ chi tiết tài khoản 632

Phần mềm tự động kết xuất lên sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam. Mã số thuế : 4001268328				Mẫu số: S03A-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23						
Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
08/07/2023	PXK.003/07	08/07/23	Xuất kho theo HD số : 26,08/07/23		10.927.270	10.927.270
			Giá vốn hàng bán	632	10.927.270	
			Giá mua hàng hóa	1561		10.927.270
08/07/2023	PXK.004/07	08/07/23	Xuất kho theo HD số : 27,08/07/23		3.603.636	3.603.636
			Giá vốn hàng bán	632	3.603.636	
			Giá mua hàng hóa	1561		3.603.636
08/07/2023	PXK.005/07	08/07/23	Xuất kho theo HD số : 28,08/07/23		3.490.910	3.490.910
			Giá vốn hàng bán	632	3.490.910	
			Giá mua hàng hóa	1561		3.490.910
02/08/2023	PXK.014/08	02/08/23	Xuất kho theo HD số : 162,02/08/23		5.238.185	5.238.185
			Giá vốn hàng bán	632	5.238.185	
			Giá mua hàng hóa	1561		5.238.185
02/08/2023	PXK.015/08	02/08/23	Xuất kho theo HD số : 163,02/08/23		9.710.515	9.710.515
			Giá vốn hàng bán	632	9.710.515	
			Giá mua hàng hóa	1561		9.710.515
02/08/2023	PXK.016/08	02/08/23	Xuất kho theo HD số : 164,02/08/23		3.907.309	3.907.309
			Giá vốn hàng bán	632	3.907.309	
			Giá mua hàng hóa	1561		3.907.309
			Tổng cộng		17.444.561.508	17.444.561.508

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc

NGÔ THỊ LAN HƯƠNG

Bảng 2.7. Trích sổ nhật ký chung tài khoản 632

Sau đó phần mềm tự động kết xuất lên Sổ cái tài khoản 632

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ

Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam.

Mã số thuế : 4001268328

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :632-Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
Ghi Số	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
08/07/23	PXK.001/07	08/07/23	Xuất kho theo HĐ số : 0000020,08/07/23	1561	789.090	0
08/07/23	PXK.002/07	08/07/23	Xuất kho theo HĐ số : 0000025,08/07/23	1561	240.909	0
08/07/23	PXK.009/07	08/07/23	Xuất kho theo HĐ số : 32,08/07/23	1561	7.227.270	0
08/07/23	PXK.010/07	08/07/23	Xuất kho theo HĐ số : 33,08/07/23	1561	3.945.450	0
08/07/23	PXK.005/07	08/07/23	Xuất kho theo HĐ số : 28,08/07/23	1561	3.490.910	0
08/07/23	PXK.003/07	08/07/23	Xuất kho theo HĐ số : 26,08/07/23	1561	10.927.270	0
						
31/07/23	KC.03	31/07/23	Kết chuyển tài khoản 632	911	0	935.887.548
02/08/23	PXK.014/08	02/08/23	Xuất kho theo HĐ số : 162,02/08/23	1561	5.238.185	0
						
31/08/23	KC.03	31/08/23	Kết chuyển tài khoản 632	911	0	1.042.079.813
05/09/23	PXK.001/09	05/09/23	Xuất kho theo HĐ : 278,05/09/2023	1561	1.847.274	0
09/09/23	PXK.003/09	09/09/23	Xuất kho theo HĐ : 280,09/09/2023	1561	1.549.091	0
09/09/23	PXK.002/09	09/09/23	Xuất kho theo HĐ : 279,09/09/2023	1561	14.786.738	0
30/09/23	KC.02	30/09/23	Kết chuyển tài khoản 632	911	0	18.183.103
			CỘNG PHÁT SINH		1.996.150.464	1.996.150.464
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		1.996.150.464	1.996.150.464
					Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc	
					NGÔ THỊ LAN HƯƠNG	

Bảng 2.8. Trích sổ cái tài khoản 632

2.2.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a, Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý doanh nghiệp ở đơn vị chỉ bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp, không bao gồm chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp của đơn vị bao gồm các chi phí hóa đơn điện tử và chữ ký số, phí dịch vụ ngân hàng.....

b, Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung

Sổ chi tiết tài khoản 6425

Sổ chi tiết tài khoản 64227

Sổ cái tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

c, Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

+ Tài khoản 6425 – Thuế, phí và lệ phí

+ Tài khoản 64227 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

d, Nghiệp vụ minh họa

Nghiệp vụ 1: Ngày 26/08/2023 Công ty thanh toán phí dịch vụ soạn thảo và nộp hồ sơ thành lập mới tháng 07/2023 theo hợp đồng số 10390973/23/SPI-HVBB-NPP ký ngày 01/06/2023 với số tiền là 4.320.000 (đã bao gồm thuế 8%) (Hóa đơn GTGT số 4667)

		Mẫu số 1 Ký hiệu: C23TSB Số: 4667						
HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG								
Ngày 26 tháng 08 năm 2023								
MCCQT: 002105A518E18F452EA3EAB13DD1A83378								
Tên người bán: CÔNG TY TNHH SỨC BẬT								
Mã số thuế: 0309576215								
Địa chỉ: Phòng 1508, Tầng 15, Tòa nhà Vincom Center, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam								
Điện thoại: 0974724769								
Số tài khoản: 11922345515018 Ngân hàng Techcombank - CN Thăng Lợi								
Tên người mua: CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ								
Họ tên người mua:								
Mã số thuế: 4001268328								
Địa chỉ: Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam								
Số tài khoản:								
Hình thức thanh toán: TM/CK								
Đơn vị tiền tệ: VND								
Số bảng kê:								
Ngày bảng kê:								
STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	Thanh toán phí dịch vụ tháng 07/2023 theo hợp đồng số 10390973/23/SPI-HVBB-NPP ký ngày 01/06/2023				0	8%	4.000.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	4.000.000	320.000

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	4.000.000
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	320.000
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	4.320.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH SỨC BẬT

Ký ngày: 2023-08-26 07:00:00

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.13. Trích hóa đơn GTGT ngày 26/08/2023

Nghiệp vụ 2 : Ngày 01/08/2023 Công ty thanh toán phí dịch vụ ngân hàng của Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam với số tiền là 22.000 (đã bao gồm thuế 10%) (Hóa đơn GTGT số 50145)



Mẫu số 1
Ký hiệu: K23TEA
Số: 50145

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 01 tháng 08 năm 2023

MCCQT:

Tên người bán: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam

Mã số thuế: 0100112437-034

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: CONG TY TNHH LOC TAI THO

Họ tên người mua:

Mã số thuế: 4001268328

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:

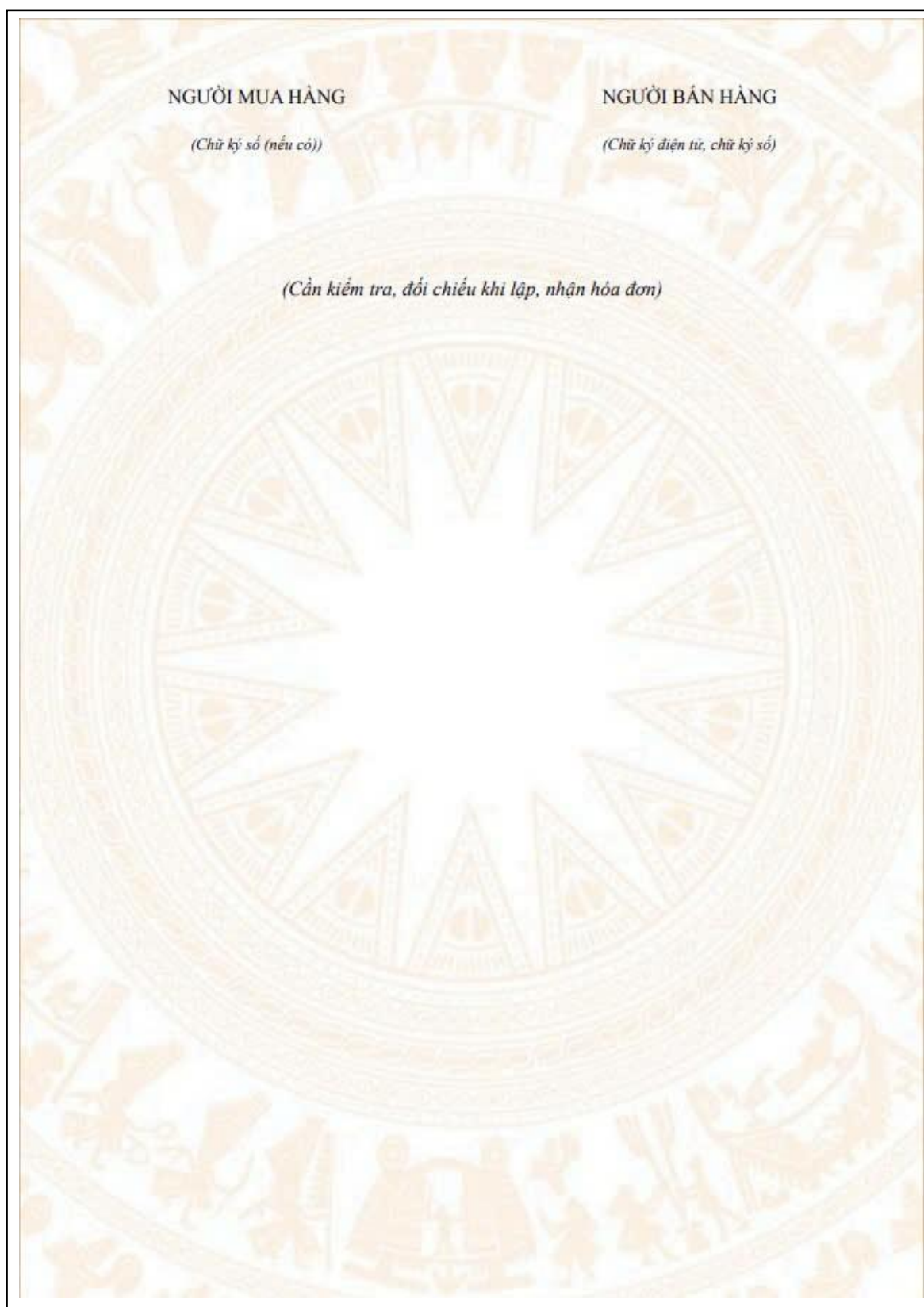
Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	undefined	Phí dịch vụ ngân hàng		0			10%	20.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	20.000
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	2.000
Tổng tiền phí	0
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	22.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	



Hình 2.14. Trích hóa đơn GTGT ngày 01/08/2023



SAO KÊ TÀI KHOẢN
ACCOUNT STATEMENT

Tên tài khoản : CONG TY TNHH TAI LOC THO Ngày thực hiện: 15/09/2023
Số tài khoản : 1038289022 Chi nhánh thực hiện: VCB QUANG NAM – PGD THANG BINH
Loại tài khoản: Tài khoản 1 chủ sở hữu
Địa chỉ : BINH TUY, BINH GIANG, THANG BINH, QUANG NAM
MST : 4001268328
CIF: 27103560
Loại tiền: VND
Từ: 06/06/2023 đến 14/09/2023

STT	Ngày GD/ Số CT	Số tiền ghi nợ	Số tiền ghi có	Số dư	Nội dung chi tiết
.....					
19	01/08/2023 9401.1038289022	22.000		340.563	CARRY FORWARD SERVICE CHARGE
.....					

Hình 2.15. Trích sao kê tài khoản

Bảng 2.11. Trích sổ chi tiết tài khoản 64227 (nghiệp vụ 1)

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ				Mẫu số S19-DNN	
Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam.				Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC	
Mã số thuế : 4001268328				Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính	
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN					
Mã hiệu : 6425-Thuế, phí và lệ phí					
Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23					
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND
	Số	Ngày			Nợ Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>		0 0
01/08/23	CTNH.001/08	01/08/23	Phí dịch vụ ngân hàng	1121	22.000 0
31/08/23	KC.01	31/08/23	Kết chuyển tài khoản 6425	911	0 22.000
28/11/23	PKT.001/11	28/11/23	Phí dịch vụ ngân hàng	1121	20.000 0
30/11/23	KC.02	30/11/23	Kết chuyển tài khoản 6425	911	0 20.000
			Cộng phát sinh		42.000 42.000
			Số dư cuối kỳ		0 0
				Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc	
				NGÔ THỊ LAN HƯƠNG	

Bảng 2.12. Trích sổ chi tiết tài khoản 6425 (nghiệp vụ 2)

Sau khi nhập liệu vào phần mềm dữ liệu sẽ tự động vào sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ

Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam.

Mã số thuế : 4001268328

Mẫu số: S03A-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
01/07/2023	PKT.001/07	01/07/23	Chi phí hóa đơn điện tử và chữ ký số		2.423.600	2.423.600
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	64227	2.203.273	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	220.327	
			Phải trả cho người bán	331		2.423.600
01/08/2023	CTNH.001/08	01/08/23	Phi dịch vụ ngân hàng		22.000	22.000
			Thuế, phí và lệ phí	6425	22.000	
			Tiền Việt Nam	1121		22.000
26/08/2023	PKT.001/08	26/08/23	Thanh toán phi dịch vụ tháng 07/2023 theo hợp đồng số 10390973/23/SPIHVBB-NPP ký ngày 01/06/2023		4.320.000	4.320.000
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	64227	4.000.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	320.000	
			Phải trả cho người bán	331		4.320.000
			Tổng cộng		17.444.561.508	17.444.561.508

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập

NLS

Kế toán trưởng

KTT

Giám đốc

NGÔ THỊ LAN HƯƠNG

Bảng 2.13. Trích sổ nhật ký chung tài khoản 642

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ

Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam.

Mã số thuế : 4001268328

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :642-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
Ghi Số	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
01/07/23	PKT.001/07	01/07/23	Chi phí hóa đơn điện tử và chữ ký số	331	2.203.273	0
31/07/23	KC.04	31/07/23	Kết chuyển tài khoản 64227	911	0	2.203.273
01/08/23	CTNH.001/08	01/08/23	Phí dịch vụ ngân hàng	1121	22.000	0
26/08/23	PKT.001/08	26/08/23	Thanh toán phí dịch vụ tháng 07/2023 theo hợp đồng số 10390973/23/SPIHVBB-NPP ký ngày 01/06/2023	331	4.000.000	0
31/08/23	KC.04	31/08/23	Kết chuyển tài khoản 64227	911	0	4.000.000
31/08/23	KC.01	31/08/23	Kết chuyển tài khoản 6425	911	0	22.000
28/11/23	PKT.001/11	28/11/23	Phí dịch vụ ngân hàng	1121	20.000	0
30/11/23	KC.01	30/11/23	Kết chuyển tài khoản 6425	911	0	20.000
			CỘNG PHÁT SINH		6.245.273	6.245.273
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		6.245.273	6.245.273
					Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc	
					NGÔ THỊ LAN HƯƠNG	

Bảng 2.14. Trích sổ cái tài khoản 642

2.2.6. Kế toán chi phí tài chính

Trong năm 2023, Công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính

2.2.7. Kế toán chi phí khác

Trong năm 2023, Công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí khác

2.2.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a, Đặc điểm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Trong năm 2023, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN, không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí thuế TNDN . Công ty kinh doanh lỗ.

b, Chứng từ và sổ sách sử dụng

Tờ khai thuế TNDN mẫu số 03/TNDN

c, Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 – chi phí thuế TNDN

d, Nghiệp vụ minh họa

Ngày 31/12/2023, tại Công Ty TNHH Lộc Tài Thọ, kế toán tổng hợp được số liệu sau :

Cuối năm, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp doanh thu và các chi phí phát sinh trong kỳ để xác định số thuế TNDN phải nộp

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 1.999.765.134

Giá vốn hàng bán : 1.996.150.464

Doanh thu hoạt động tài chính : 4.118

Chi phí quản lý kinh doanh : 6.245.273

Thu nhập khác : 15.510

❖ Xác định kết quả sản xuất kinh doanh

- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là:

$$1.999.765.134 - 0 = 1.999.765.134 \text{ đồng}$$

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là:

$$1.999.765.134 - 1.996.150.464 = 3.614.670 \text{ đồng}$$

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là:

$$3.614.670 + 4.118 - 0 - 6.245.273 = (2.626.485) \text{ đồng}$$

- Lợi nhuận khác:

$$15.510 - 0 = 15.510 \text{ đồng}$$

Tổng kết quả sản xuất kinh doanh = (2.610.975) => trong năm 2023 công ty làm ăn thua lỗ

- Kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911

- Kết chuyển lỗ:

Nợ TK 421: 2.610.975 đồng

Có TK 911: 2.610.975 đồng

Sau khi tổng hợp số liệu của Công ty TNHH Lộc Tài Thọ, công ty hoạt động kinh doanh có lỗ là 2.610.975 đồng. Vì vậy, công ty không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Dưới đây là Tờ khai quyết toán thuế TNDN (mẫu số 03/TNDN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc		Mẫu số: 03/TNDN (Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	
TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN) (Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)			
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023 Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023			
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []			
[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)			
[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %			
[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THO			
[07] Mã số thuế: 4001268328			
[08] Tên đại lý thuế (nếu có):			
[09] Mã số thuế:			
[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số			
		Ngày: _____ Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam	
STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(2.610.975)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(2.610.975)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(2.610.975)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(2.610.975)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BDS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BDS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BDS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BDS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=H1+H2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

NGÔ THỊ LAN HƯƠNG

Ghi chú:

- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
- Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
- Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
- Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
- Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
- Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
- Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
- Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
- Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
- Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ**

Hình 2.16. Tờ khai quyết toán thuế TNDN

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ

[03] Mã số thuế: 4001268328

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.999.765.134	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.999.765.134	0
4. Giá vốn hàng bán	11		1.996.150.464	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.614.670	0
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.118	0
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		6.245.273	0
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(2.626.485)	0
10. Thu nhập khác	31		15.510	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		15.510	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.610.975)	0
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(2.610.975)	0

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
NGÔ THỊ LAN HƯƠNG

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ

Bảng 2.17. Trích phụ lục Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a, Đặc điểm xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển tất cả các tài khoản từ tài khoản loại 5,6,7 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của công ty và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

b, Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

➤ Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 911

c, Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

d, Nghiệp vụ minh họa

- Cuối kỳ kế toán thực hiện việc kết chuyển số doanh thu bán hàng vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh

- Kết chuyển giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp,... để xác định lãi lỗ

- Cuối tháng 7 bút toán kết chuyển

Nợ 4212 4.287.736

Có 911 4.287.736

- Cuối tháng 8 bút toán kết chuyển

Nợ 911 2.006.534

Có 4212 2.006.534

- Cuối tháng 9 bút toán kết chuyển

Nợ 4212 309.773

Có 911 309.773

- Cuối tháng 11 bút toán kết chuyển

Nợ 4212 20.000

Có 911 20.000

Từ đó , ta có :

$$(- 4.287.736) + (- 309.773) + (- 20.000) + 2.006.534 = - 2.610.975$$

=> Kết chuyển lỗ:

Nợ TK 421: 2.610.975 đồng

Có TK 911: 2.610.975 đồng

Dưới đây là sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THO

Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam.

Mã số thuế : 4001268328

Mẫu số: S03A-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
7/8/2023	HDBR.003/07	08/07/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:26		12,140,194	12,140,194
			Tiền Việt Nam	1111	12,140,194	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		11,036,540
			Thuế GTGT đầu ra	33311		1,103,654
7/8/2023	HDBR.004/07	08/07/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:27		4,003,639	4,003,639
			Tiền Việt Nam	1111	4,003,639	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		3,639,672
			Thuế GTGT đầu ra	33311		363,967
7/8/2023	PXK.003/07	08/07/23	Xuất kho theo Hb số : 26,08/07/23		10,927,270	10,927,270
			Giá vốn hàng bán	632	10,927,270	
			Giá mua hàng hóa	1561		10,927,270
7/8/2023	PXK.004/07	08/07/23	Xuất kho theo Hb số : 27,08/07/23		3,603,636	3,603,636
			Giá vốn hàng bán	632	3,603,636	
			Giá mua hàng hóa	1561		3,603,636
7/25/2023	CTNH.020/07	25/07/23	Lãi nhập vốn		2,563	2,563
			Tiền Việt Nam	1121	2,563	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		2,563
7/25/2023	HDBR.046/07	25/07/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:77		6,025,655	6,025,655
			Tiền Việt Nam	1111	6,025,655	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		5,477,868
			Thuế GTGT đầu ra	33311		547,787
7/31/2023	KC.05	31/07/23	Kết chuyển tài khoản 911 sang 4212		4,287,736	4,287,736
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	4,287,736	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		4,287,736
8/1/2023	CTNH.001/08	01/08/23	Phí dịch vụ ngân hàng		22,000	22,000
			Thuế, phí và lệ phí	6425	22,000	
			Tiền Việt Nam	1121		22,000
8/2/2023	HDBR.014/08	02/08/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:162		5,819,627	5,819,627
			Tiền Việt Nam	1111	5,819,627	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		5,290,570
			Thuế GTGT đầu ra	33311		529,057
8/2/2023	HDBR.015/08	02/08/23	Xuất hóa đơn bán hàng theo hóa đơn số:163		10,536,330	10,536,330
			Tiền Việt Nam	1111	10,536,330	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		9,578,482
			Thuế GTGT đầu ra	33311		957,848

8/2/2023	PXK.014/08	02/08/23	Xuất kho theo Hđ số : 162,02/08/23		5,238,185	5,238,185
			Giá vốn hàng bán	632	5,238,185	
			Giá mua hàng hóa	1561		5,238,185
8/2/2023	PXK.015/08	02/08/23	Xuất kho theo Hđ số : 163,02/08/23		9,710,515	9,710,515
			Giá vốn hàng bán	632	9,710,515	
			Giá mua hàng hóa	1561		9,710,515
8/26/2023	PKT.001/08	26/08/23	Thanh toán phí dịch vụ tháng 07/2023 theo hợp đồng số 10390973/23/SPIHVBB-NPP ký ngày 01/06/2023		4,320,000	4,320,000
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	64227	4,000,000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	320,000	
			Phải trả cho người bán	331		4,320,000
8/31/2023	PKT.002/08	31/08/23	Xử lý công nợ		15,510	15,510
			Phải trả cho người bán	331	15,510	
			Thu nhập khác	711		15,510
8/31/2023	PT.126/08	31/08/23	Thu lại tiền ký cược, cọc kết bia, ballet bia		6,525,510	6,525,510
			Tiền Việt Nam	1111	6,525,510	
			Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1386		6,525,510
8/31/2023	KC.06	31/08/23	Kết chuyển tài khoản 911 sang 4212		2,006,534	2,006,534
			Xác định kết quả kinh doanh	911	2,006,534	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		2,006,534
9/5/2023	HDBR.001/09	05/09/23	Xuất bán hàng hóa theo hóa đơn số: 278		2,052,323	2,052,323
			Tiền Việt Nam	1111	2,052,323	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		1,865,748
			Thuế GTGT đầu ra	33311		186,575
			Giá vốn hàng bán	632		18,183,103
9/30/2023	KC.03	30/09/23	Kết chuyển tài khoản 911 sang 4212		309,773	309,773
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	309,773	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		309,773
11/23/2023	CTNH.001/11	23/11/23	Trả lại tiền cược và chai		54,704,490	54,704,490
			Tiền Việt Nam	1121	54,704,490	
			Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1386		54,704,490
11/28/2023	CTNH.002/11	28/11/23	Rút tiền nhập quỹ		54,700,000	54,700,000
			Tiền Việt Nam	1111	54,700,000	
			Tiền Việt Nam	1121		54,700,000
11/30/2023	KC.02	30/11/23	Kết chuyển tài khoản 911 sang 4212		20,000	20,000
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	20,000	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		20,000
			Tổng cộng		17,444,561,508	17,444,561,508

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập
NLS

Kế toán trưởng
KTT

Giám đốc
NGÔ THỊ LAN HƯƠNG

Bảng 2.16. Trích nhật ký chung

Dưới đây là sổ cái tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ				Mẫu số 803b-DNN		
Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang - Huyện Thăng Bình - Quảng Nam.				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC		
Mã số thuế : 4001268328				ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI						
Mã hiệu :911-Xác định kết quả kinh doanh						
Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23						
Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
Chi Số	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
31/07/23	KC.01	31/07/23	Kết chuyển doanh thu	5111	0	933.800.522
31/07/23	KC.02	31/07/23	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	0	2.563
31/07/23	KC.03	31/07/23	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	935.887.548	0
31/07/23	KC.04	31/07/23	Kết chuyển	64227	2.203.273	0
31/07/23	KC.05	31/07/23	Kết chuyển tài khoản 911 sang 4212	4212	0	4.287.736
31/08/23	KC.01	31/08/23	Kết chuyển doanh thu	5111	0	1.048.091.282
31/08/23	KC.02	31/08/23	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	0	1.555
31/08/23	KC.03	31/08/23	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	1.042.079.813	0
31/08/23	KC.04	31/08/23	Chi phí quản lý kinh doanh	64227	4.000.000	0
31/08/23	KC.05	31/08/23	Chi phí quản lý kinh doanh	6425	22.000	0
31/08/23	KC.06	31/08/23	Kết chuyển thu nhập khác	711	0	15.510
31/08/23	KC.07	31/08/23	Kết chuyển tài khoản 911 sang 4212	4212	2.006.534	0
30/09/23	KC.01	30/09/23	Kết chuyển doanh thu	5111	0	17.873.330
30/09/23	KC.02	30/09/23	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	18.183.103	0
30/09/23	KC.03	30/09/23	Kết chuyển tài khoản 911 sang 4212	4212	0	309.773
30/11/23	KC.01	30/11/23	Chi phí quản lý kinh doanh	6425	20.000	0
30/11/23	KC.02	30/11/23	Kết chuyển tài khoản 911 sang 4212	4212	0	20.000
			CỘNG PHÁT SINH		2.004.402.271	2.004.402.271
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		2.004.402.271	2.004.402.271
				Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc		
				NGÔ THỊ LAN HƯƠNG		

Bảng 2.17. Trích sổ cái tài khoản 911

CHƯƠNG III. MỘT SỐ NHẬN XÉT, Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lộc Tài Thọ.

3.1.1. Ưu điểm

- Nhìn chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được ghi nhận kịp thời, chính xác và tuân thủ nguyên tắc. Hệ thống chứng từ được sử dụng khá đầy đủ, đúng với chế độ kế toán quy định và trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý
- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo thông tư 133/2016/TT-BTC là hoàn toàn phù hợp với quy mô và đặc điểm của doanh nghiệp
- Công ty áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung ” với ưu điểm : dễ hiểu, dễ ghi chép, dễ áp dụng và phát hiện sai sót, phù hợp với tình hình hoạt động của công ty
- Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên giúp cho việc theo dõi, phản ánh một cách thường xuyên, liên tục tình hình xuất – nhập – tồn các loại hàng hóa
- Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu

3.1.2. Hạn chế

- Công ty chưa mở sổ các sổ chi tiết cho từng loại mặt hàng của tài khoản 5111 và 6321 dẫn đến việc theo dõi doanh thu và giá vốn của từng mặt hàng sẽ gặp khó khăn .
- Công ty chưa có khoản chiết khấu thương mại thích hợp cho khách hàng. Trong kinh doanh hiện nay việc giảm giá, chiết khấu là cần thiết để thu hút khách hàng và mang lại hiệu quả cho việc tiêu thụ hàng hóa của công ty
- Công ty hiện tại chỉ có một người bán hàng kiêm kế toán cũng là người thu tiền, người ghi nhận hàng hóa cũng là người giữ hàng dễ gian lận dễ sai sót, xảy ra nguy cơ về việc kiểm soát không hiệu quả dẫn đến mất mát hàng hóa
- Các chứng từ gốc khi được chuyển về văn phòng chưa được phân loại, sắp xếp riêng theo từng nội dung nên không thuận tiện cho công tác theo dõi, đối chiếu số liệu để vào các hồ sơ, thẻ, bảng liên quan.
- Trên hóa đơn GTGT kế toán chưa phản ánh đầy đủ MST và địa chỉ của người mua hàng

3.2. Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lộc Tài Thọ.

- **Đề xuất 1 :** Mở thêm sổ chi tiết doanh thu và giá vốn cho từng mặt hàng .

Việc mở thêm sổ chi tiết doanh thu và giá vốn cho từng mặt hàng để dễ theo dõi lượng bán của từng mặt hàng, xác định được những mặt hàng nào đem lại doanh thu cao và có những chính sách ưu đãi, khuyến mãi để tăng mặt hàng đó

Công ty nên mở chi tiết tài khoản 5111 và 6321 để theo dõi doanh thu và giá vốn chi tiết cho từng mặt hàng

- Tài khoản 5111

+ Tài khoản 51111 : Doanh thu bán bia Heineken

+ Tài khoản 51112 : Doanh thu bán Coca

+ Tài khoản 51113 : Doanh thu bán bia Tiger

+

- Tài khoản 6321

+ Tài khoản 63211 : Giá vốn hàng bán của bia Heineken

+ Tài khoản 63212 : Giá vốn hàng bán của Coca

+ Tài khoản 63213 : Giá vốn hàng bán của Tiger

+

Đơn vị: Công Ty TNHH Lộc Tài Thọ Địa chỉ:					Mẫu số S19-DNN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)			
SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN Tài khoản:..... Đối tượng:..... <i>Loại tiền: VNĐ</i>								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
								
			- Cộng số phát sinh	x			x	x
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- **Đề xuất 2 :** Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng

Công ty nên có chiết khấu thương mại cho khách hàng khi mua số lượng lớn để thu hút khách hàng và mang lại hiệu quả cho việc tiêu thụ hàng hóa cho công ty. Chính sách này cũng góp phần quan trọng trong việc tăng doanh số bán hàng của công ty. Đồng thời, việc chiết khấu thương mại sẽ giúp giảm số lượng hàng tồn kho của người

bán, giúp người bán có thêm lượng khách hàng thân quen. Vì vậy, công ty nên có chính sách chiết khấu thương mại là phù hợp

Em đề xuất đối với từng mặt hàng như sau :

Danh mục	Số lượng	Chiết khấu
Bia Heineken	10-20 thùng	1% - 3%
	20-50 thùng	3% - 5%
	Trên 50 thùng	5% - 10%
Bia Tiger	10-20 thùng	1% - 2%
	20-50 thùng	2% - 4%
	Trên 50 thùng	5% - 8%
Coca	10-20 thùng	1%
	20-50 thùng	2% - 4%
	Trên 50 thùng	5% - 8%
.....		

- Cách hạch toán chiết khấu thương mại như sau :

Nợ TK 511

Nợ TK 3331

Có TK 111,112

- **Đề xuất 3 :** Nên tách biệt người ghi sổ và người giữ tài sản

Hiện tại đơn vị chỉ có một người bán hàng cũng là người thu tiền, người ghi nhận hàng hóa cũng là người giữ hàng. Trong kiểm soát nội bộ thì người giữ tài sản và người ghi sổ nên hai người phải khác nhau để giảm thiểu gian lận. Do đó, em đề xuất thêm một nhân sự đảm nhiệm bán hàng kiêm kho là người trực tiếp bán hàng và theo dõi kho

Mẫu phiếu xuất kho :

Đơn vị: Công Ty TNHH Lộc Tài Thọ				Mẫu số 02 - VT			
Bộ phận:.....				(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)			
PHIẾU XUẤT KHO Ngày.....tháng.....năm Số:							
- Họ và tên người nhận hàng: Địa chỉ (bộ phận)..... - Lý do xuất kho: - Xuất tại kho (ngân lô):Địa điểm							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sp, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Cộng	x	x	x	x	x	
- Tổng số tiền (viết bằng chữ):..... - Số chứng từ gốc kèm theo:.....							
Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận hàng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)</i>		Giám đốc <i>(Ký, họ tên)</i>		

- Căn cứ vào phiếu xuất kho để ghi sổ, số lượng (1) theo chứng từ giữ lại, (2) thực xuất chuyển qua cho kế toán. Kế toán căn cứ vào số lượng trên chứng từ để xuất hóa đơn

- Đề xuất 4 : Các chứng từ gốc khi được chuyển về văn phòng cần phải được phân loại, sắp xếp riêng theo từng nội dung để thuận tiện cho công tác theo dõi, đối chiếu số liệu để vào các hồ sơ, thẻ, bảng liên quan.

Phân loại chứng từ:

- Chứng từ thu/chi tiền mặt: Phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn liên quan
- Chứng từ ngân hàng: Ủy nhiệm chi, sao kê, giấy báo nợ/có
- Chứng từ mua bán hàng: Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, hợp đồng
- Chứng từ tài sản: Biên bản bàn giao, phiếu nhập kho tài sản

Sắp xếp chứng từ:

- Theo thời gian: Thứ tự ngày, tháng, năm
- Theo loại: Lập folder riêng cho từng loại chứng từ (ví dụ: thu chi, mua hàng)
- Theo tài khoản : Chứng từ liên quan TK 111, 112....

Tài liệu tham khảo

1. Tham khảo các bài khóa luận tốt nghiệp của sinh viên khóa trước tại thư viện Trường DH Kiến Trúc Đà Nẵng
2. Thông tư 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính
3. Các trang web : <http://tintucketoan.com> , <http://ketoanthienung.net/>

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NAM PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---	---

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4001268328
Đăng ký lần đầu: ngày 31 tháng 05 năm 2023

1. Tên công ty
Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LỘC TÀI THỌ
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính
Thôn Bình Túy, Xã Bình Giang, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Điện thoại: 0896220292 Fax:
Email: Website:

3. Vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng
Bằng chữ: Một tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu
Họ và tên: NGÔ THỊ LAN HƯƠNG Giới tính: Nữ
Sinh ngày: 01/04/1983 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 049183012890
Ngày cấp: 06/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Địa chỉ thường trú: Thôn Bình Túy, Xã Bình Giang, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Địa chỉ liên lạc: Thôn Bình Túy, Xã Bình Giang, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty
* Họ và tên: NGÔ THỊ LAN HƯƠNG Giới tính: Nữ
Chức danh: Giám đốc
Sinh ngày: 01/04/1983 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 049183012890
Ngày cấp: 06/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Địa chỉ thường trú: Thôn Bình Túy, Xã Bình Giang, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Địa chỉ liên lạc: Thôn Bình Túy, Xã Bình Giang, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Phụ lục 01. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

**SAO KÊ TÀI KHOẢN
ACCOUNT STATEMENT**

Tên tài khoản/Account name: CONG TY TNHH LỘC TÀI THO

Ngày thực hiện/ Date: 15/09/2023

Số tài khoản/Account number: 1038289022

Chi nhánh thực hiện/ Branch: VCB QUANG NAM-PGD THANG BINH

Loại tài khoản/Type of Account: Tài khoản 1 chủ sở hữu/ Sole owner account

Số lượng đồng chủ sở hữu tài khoản/ Number of Joint account holder (nếu có):

Địa chỉ/ Address: BINH TUY, BINH GIANG, THANG BINH, QUANG NAM

CMND/CCCD/Hộ chiếu số 4001268328

ID/Citizen ID/PP No:

CIF: 27103560

Loại tiền/Currency: VND

Từ/ From: 06/06/2023 Đến/ To: 14/09/2023

Số dư đầu kỳ/ Opening balance: 0

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
1	06/07/2023 3.170		400.000.000	400.000.000	NGO THI LAN HUONG CHU TK NOP CUNG DB
2	06/07/2023 9.203	400.000.000			CHUYEN KHOAN#TKP#VCBHNK10390973#CO NG TY TNHH LỘC TÀI THO 10390973 - QN49 THANH TOAN TIEN BIA
3	07/07/2023 9.177		120.000.000	120.000.000	NGO THI LAN HUONG NT
4	07/07/2023 9.183	120.000.000			CHUYEN KHOAN#TKP#VCBHNK10390973#CO NG TY TNHH LỘC TÀI THO 10390973-QN49 THANH TOAN TIEN BIA
5	12/07/2023 3.236		437.950.000	437.950.000	NGO THI LAN HUONG CHU TK NOP CUNG DB
6	13/07/2023 3.76		124.740.000	562.690.000	NGO THI LAN HUONG CHU TK NOP CUNG DB
7	13/07/2023 3.82	560.000.000		2.690.000	CHUYEN KHOAN#TKP#VCBHNK10390973#103 90973-QN49 THANH TOAN TIEN BIA
8	18/07/2023 3.186		464.980.000	467.670.000	NGO THI LAN HUONG CHU TK NOP CUNG DB
9	18/07/2023 3.191	464.980.000		2.690.000	CHUYEN KHOAN#TKP#VCBHNK10390973#103 90973-QN49 THANH TOAN TIEN BIA



Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R, VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNY Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
10	21/07/2023 5241.31193		30.000.000	32.690.000	MBVCB.3889792413.VO VAN TUOI chuyen tien.CT ta 0651000810025 VO VAN TUOI toi1038289022 CONG TY TNHH LOC TAI THO
11	21/07/2023 5136.89457	30.000.000		2.690.000	MBBIZ6005489457#TKP#VCBHNK103 90973#10390973 - QN 49 - dong tien DMF
12	24/07/2023 3.308		427.300.000	429.990.000	NGO THI LAN HUONG CHU TK NOP CUNG DB
13	24/07/2023 5213.74151		9.300.000	439.290.000	656176.240723.170950.Nt
14	24/07/2023 5136.41313	30.000.000		409.290.000	MBBIZ6005541313#TKP#VCBHNK103 90973#10390973-QN49-dong tien DMF
15	24/07/2023 5218.11369		10.000.000	419.290.000	687048.240723.171909.Ck
16	24/07/2023 5136.41563	419.000.000		290.000	MBBIZ6005541563#TKP#VCBHNK103 90973#10390973 - QN49 -thanh toan tien bìa
17	25/07/2023 5216.89142		30.000.000	30.290.000	188062.250723.102007.Ck
18	25/07/2023 5136.50055	30.000.000		290.000	MBBIZ6005550055#TKP#VCBHNK103 90973#10390973 - QN49 -thanh toan tien bìa
19	25/07/2023 9703.1038289022		2.563	292.563	INTEREST PAYMENT
20	31/07/2023 9.155		153.170.000	153.462.563	NGO THI LAN HUONG NT
21	31/07/2023 5214.22395		49.900.000	203.362.563	866063.310723.141456.Ck
22	31/07/2023 5136.75008	203.000.000		362.563	MBBIZ6005675008#TKP#VCBHNK103 90973#10390973 - QN49- thanh toan tien bìa
23	01/08/2023 9401.1038289022	22.000		340.563	CARRY FORWARD SERVICE CHARGE
24	19/08/2023 5225.25181	322.000		18.563	MBBIZ6006078856.025181.CONG TY TNHH LOC TAI THO chuyen tien
25	25/08/2023 9701.1038289022		46	18.609	INTEREST PAYMENT

Postal address:
19B TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.P. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

Page 2 of 3

Tổng số:	2.257.324.000	2.257.342.609
Total		
Số dư cuối kỳ:		18.609
Closing balance		

Xác nhận của ngân hàng/
Bank's confirmation



Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của Vietcombank!
Thank you for using Vietcombank's services!

Hoàng Thị Ngọc Hạnh

VIETCOMBANK - Chung niềm tin vững tương lai
VIETCOMBANK - Together for the future

Ghi chú: Giấy Xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đảm bảo thông tin chính xác tại thời điểm xác nhận theo nội dung yêu cầu của Khách hàng. Văn bản Xác nhận này không cấu thành bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm hiện tại hay tương lai đối với các nghĩa vụ của Khách hàng xác lập với bên thứ ba./.

Note: This letter of confirmation of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ensures accurate information at the time of confirmation as requested by the customer. This acknowledgment does not constitute any current or future guarantees of the customer's obligations confirmed to third parties./.



Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNXX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

Page 3 of 3